

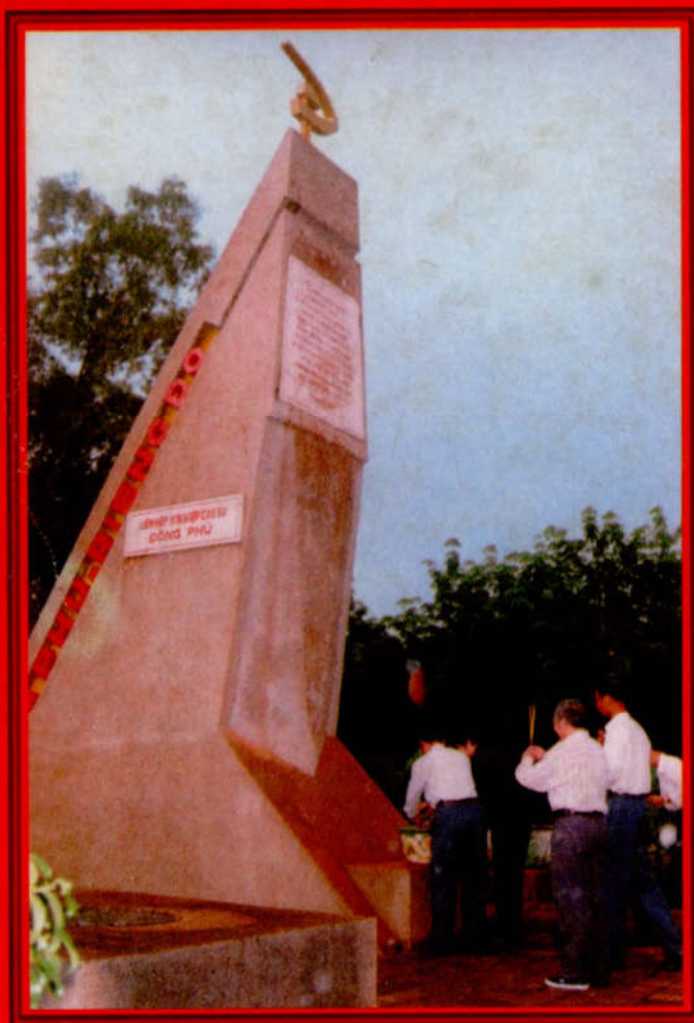
SĐC

61

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
P HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

SƠ THẢO
1930 - 1975



BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY AN HÀNH
2000

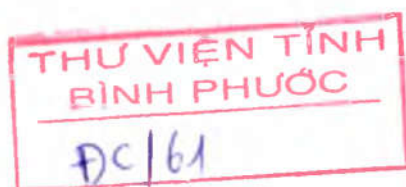
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

(1930 - 1975)

SƠ THẢO



CÔNG TRÌNH CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG
LẦN VII TỈNH ĐẢNG BỘ BÌNH PHƯỚC

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chỉ đạo biên soạn:

- BÙI THANH PHONG** - Bí thư Tỉnh ủy
NGUYỄN HỮU LUẬT - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
NGUYỄN VĂN LỢI - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Ban Biên tập:

VŨ SỸ THẮNG PHÙNG ĐÌNH ẤM (BA CUNG)
NGUYỄN HUỲNH ĐOÀN TẤN DŨNG
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG NGUYỄN THỊ TUYẾT MINH
NGUYỄN THANH DANH

Cố vấn Khoa học:

Phó Giáo sư : **HỒ SĨ KHOÁCH**

Tiến sĩ Sử học : **LÊ HỮU PHƯỚC**



BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

TỈNH BÌNH PHƯỚC

The map displays the administrative divisions of Binh Phuoc province. It is bordered by Cambodia (CAM-PU-CHIA) to the west, Laos (TỈNH ĐẮC LẮC) to the north, and the provinces of Tay Ninh, Lam Dong, and Dong Nai to the south and east. The map includes the following districts and towns:

- H. PHƯỚC LONG:** Hung Phuc, Thien Hung, Thanh Hoa, Da Kia, Binh Thang, Duc Hanh, Binh Phuc, Thac Mo Son Giang, Phuoc Binh, Phuc Tin, Binh Phuc, Long Hung, Long Ha, Bu Nho, Long Tan, Phu Rieng, Thuan Loi, Dong Tam, Tan Phuc, Tan Hung, Tan Loi, Tan Hoa, Tan Lap.
- H. LỘC NINH:** Loc Hoa, Loc An, Tan Tien, Loc Hiep, Loc Quang, Loc Khanh, Loc Thai, Loc Hung, Loc Thanh, Loc Tan, TT Loc Ninh, Thanh Luong, TT An Loc, Minh Duc, Thanh Binh, Phuc An, Tan Quang, Binh Lap, Tan Thuan, TT Chon Thanh, Minh Long, Binh Hong, Tan Khai, Dong Ho.
- H. BÌNH LONG:** Thanh An, An Khung, Loi Hung, Phuc An, Tan Quang, Binh Lap, Tan Thuan, TT Chon Thanh, Minh Long, Binh Hong, Tan Khai, Dong Ho.
- H. ĐỒNG PHÚ:** Thuan Loi, TT Dong Xoi, Tan Thuan, Tan Phuc, Tan Hung, Tan Loi, Tan Hoa, Tan Lap.
- H. BÙ ĐĂNG:** Thong Nhat, Nguia Thung, Dong Ha.

Other locations include: BAC O, BAC NHAI, THO SON, TT DUC PHONG, MINH PHUNG, DUC LIEN, DOAN KET, DONG HAI, MINH PHUNG, DUC LIEN, DOAN KET, DONG HAI, MINH PHUNG, DUC LIEN, DOAN KET, DONG HAI.

Legend:

- Biên giới quốc gia (International border)
- Biên giới tỉnh (Provincial border)
- Biên giới huyện (District border)
- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn (Commune/Township committee)
- Quốc lộ (National road)
- Sông hồ (River/Lake)

Biên giới quốc gia

Biên giới tỉnh

Biên giới huyện

☆ ☆	Ủy ban nhân dân xã, thị trấn
—————	Quốc lộ
~~~~~	Sông hồ



quê hương đất nước, củng cố niềm tin đối với Đảng, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất là thế hệ trẻ, không ngừng phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết dân tộc, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Với những ý nghĩa trên, ngay từ những ngày đầu mới tái lập tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930 – 1975)*. Cuốn sách phản ánh lại phong trào cách mạng ở Bình Phước kể từ khi hình thành chi bộ đầu tiên của tỉnh cho đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tái hiện lịch sử là một hoạt động khoa học, lại tiến hành trong điều kiện tỉnh mới tái lập, có nhiều khó khăn, nhất là về tư liệu và nhân chứng; nhiều sự kiện, vụ việc xảy ra không còn hồ sơ lưu lại nên công tác biên soạn gặp nhiều trở ngại. Song, nhờ sự đóng góp nhiệt tình của nhiều đồng chí lãnh đạo trong tỉnh, nhiều cán bộ lão thành đã từng có thời gian công tác ở Bình Phước qua nhiều thời kỳ, của Viện Lịch sử Đảng, một số nhà khoa học tại Thành phố Hồ Chí Minh, các kho lưu trữ Trung ương, Quân khu 7, TP Hồ Chí Minh, Bảo tàng, Thư viện địa phương..., ban biên soạn đã hoàn thành công việc với trách nhiệm cao. Cũng trong quá trình này, trên những vấn đề lớn, những ý kiến chưa thống nhất trong các lần hội thảo đều xin ý kiến Thường vụ Tỉnh ủy.

Tuy nhiên, cuốn “*Lịch sử Đảng bộ tỉnh*” được biên soạn lần này, chắc không tránh khỏi thiếu sót; một số sự kiện cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ sung tư liệu. Chúng tôi mong còn nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc gần xa, nhất là các đồng chí lãnh đạo, các đồng chí và đồng bào là nhân chứng lịch sử trong cuộc đấu tranh cách mạng ở Bình Phước, để bổ sung trong dịp tái bản sau này.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước,

tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các đồng chí và các bạn đã đóng góp trí tuệ và công sức để cuốn “lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Phước (1930 – 1975) đến nay ra mắt bạn đọc, đây là một trong những công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ lần thứ VII của tỉnh.

**TM/BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**BÍ THƯ**

**BÙI THANH PHONG**

# **PHẦN MỞ ĐẦU**

## **BÌNH PHƯỚC: VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG**

### **CHƯƠNG I: ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ – XÃ HỘI VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI HÀNH CHÍNH QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ**

Bình Phước là một tỉnh miền núi dân tộc và biên giới ở miền Đông Nam Bộ, có tổng diện tích tự nhiên 6.831,72 km², dân số 653.644 người, mật độ trung bình là 88 người/km², trong đó đồng bào dân tộc có 102.107 người chiếm khoảng 17,9% dân số toàn tỉnh. Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk và Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và tỉnh Công Pông Chàm (Campuchia), phía Bắc giáp tỉnh Krachê và Mun Dun Ki Ri (Campuchia) và phía Nam giáp tỉnh Bình Dương. Bình Phước có đường biên giới tiếp giáp Campuchia dài 240km. Trong suốt quá trình lịch sử, Bình Phước luôn luôn có vị trí hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế và an ninh - quốc phòng.

Dưới thời phong kiến nhà Nguyễn, Bình Phước thuộc trấn Biên Hòa. Đến giữa thế kỷ XIX, sau khi đặt ách đô hộ tại sáu tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp chia Nam Kỳ thành bốn khu vực lớn là Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bát - Xắc. Vùng đất Bình Phước thuộc khu vực Sài Gòn, trong đó vùng đất phía Đông thuộc tiểu khu Biên Hòa, vùng đất phía Tây Nam và phía Nam thuộc tiểu khu Thủ Dầu Một. Năm 1889, thực dân Pháp đổi các tiểu khu thành các tỉnh, Bình Phước thuộc địa phận tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một. Từ đó cho đến hết thời Pháp thuộc bộ máy hành chính cơ bản không thay đổi. Sau năm 1954,



trải qua hàng chục năm chiến tranh, vùng đất Bình Phước bị chia cắt, sáp nhập nhiều lần tùy theo nhu cầu cai trị của thực dân đế quốc trong từng thời kỳ lịch sử. Đến ngày 30/1/1971, Trung ương Cục Miền Nam quyết định thành lập phân khu Bình Phước. Cuối năm 1972, phân khu Bình Phước giải thể, tỉnh Bình Phước chính thức được thành lập.

Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - văn hóa, ngày 2/7/1976, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra quyết định thành lập tỉnh Sông Bé bao gồm tỉnh Thủ Dầu Một, Bình Phước và ba xã thuộc huyện Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh), chia thành 7 huyện thị: Bình Long, Phước Long, Đồng Phú, Bến Cát, Tân Uyên, Thuận An và thị xã Thủ Dầu Một. Tháng 2/1978, tách một số xã của huyện Bình Long và một số xã huyện Phước Long để thành lập huyện Lộc Ninh. Năm 1988 huyện Phước Long được chia thành 2 huyện Bù Đăng và Phước Long. Ngày 1/1/1997, tỉnh Bình Phước được tái lập bao gồm 5 huyện phía Bắc thuộc tỉnh Sông Bé cũ: Đồng Phú, Bình Long, Lộc Ninh, Bù Đăng và Phước Long, tỉnh lỵ đặt tại Đồng Xoài. Ngày 1/9/1999, Chính phủ ban hành Nghị định 90/1999/NĐ-CP về việc thành lập thị xã Đồng Xoài. Ngày 1/1/2000, thị xã Đồng Xoài chính thức đi vào hoạt động.

+ Về điều kiện tự nhiên, Bình Phước có vùng đất đỏ ba-dan chiếm  $\frac{1}{2}$  diện tích toàn tỉnh, đất đỏ trên đá phiến, đất xám và đất vàng nâu. Vùng đất đỏ ba-dan chủ yếu tập trung ở các huyện Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng và chiếm một phần nhỏ diện tích của các huyện Bình Long, Đồng Phú.

Đất đai Bình Phước rất thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như tiêu, điều, cà phê, cao su. Đặc biệt cây cao su trồng trên đất đỏ ba-dan có chu kỳ kéo dài, sản lượng mủ cao hơn rõ rệt so với cây cao su trồng trên đất xám. Bên cạnh những loại cây công nghiệp dài ngày, đất ba-dan còn thích hợp nhiều loại cây màu, lương thực. Nhưng điều hạn chế lớn nhất đối với việc trồng trọt các loại cây ngắn ngày



là thiếu nguồn nước tưới mùa khô nên chỉ phát triển được vào mùa mưa.

Cũng như các tỉnh Nam Bộ, khí hậu Bình Phước thuộc khí hậu nhiệt đới gió mùa ổn định. Trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 và kéo dài đến cuối tháng 10 dương lịch. Những tháng đầu mùa mưa thường là mưa rào và mưa đều vào những tháng 7, 8 và 9, ít có ngày mưa dầm. Đặc biệt ở Bình Phước hầu như không có bão mà chỉ chịu ảnh hưởng của những cơn bão gần. Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2400 mm rải đều trong nhiều tháng nên ít khi gây ra lũ lụt. Nhờ lượng mưa tương đối điều hòa nên hầu hết các loại cây trồng đều phát triển nhanh. Nhiệt độ trung bình khoảng 29°C. Những tháng cuối mùa mưa sang đầu mùa khô thời tiết thường se lạnh về đêm. Mùa khô thường có gió từ Tây Trường Sơn thổi tới nên khí hậu khô hanh. Mỗi ngày có trung bình từ 5 đến 7 giờ nắng. Vào mùa khô, nhiệt độ ban ngày có nơi lên đến 35-37°C. Nhưng thời gian nóng bức nhất này thường chỉ kéo dài khoảng hơn một tháng. Sau đó nhiệt độ giảm dần để chuẩn bị đón nhận những cơn mưa đầu mùa năm sau.

Bình Phước có nhiều tài nguyên phong phú, trước hết là rừng. Đầu thế kỷ XX, Bình Phước vẫn còn những khu rừng liên khoảnh, bạt ngàn mênh mông trải dài từ Bắc đến Nam chiếm gần 100% diện tích toàn tỉnh. Trong đó, có những khu rừng già, những khu rừng nguyên sinh với nhiều loại gỗ quý của rừng nhiệt đới như cẩm lai, gỗ đỏ, gỗ nu, sao, bằng lăng; có nhiều loại cây dược liệu quý dùng làm thuốc chữa bệnh; nhiều loại song, mây, tre, lồ ô... dùng làm bột giấy và các mặt hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Rừng Bình Phước có nhiều loại dây, củ lấy bột như củ năn, củ mài, củ chụp, củ nho, hạt gấm, hạt bông ... và nhiều loại rau rừng như lá nhĩếp, lá nhàu, đọt mây, măng, môn dốc, tàu bay. Đây là nguồn lương thực, thực phẩm quan trọng đã từng góp phần nuôi sống lực lượng cách mạng trong những năm gian khổ ác liệt nhất.

Cùng với các loại cây rừng, thú rừng ở Bình Phước cũng

khá phong phú với các loại thú lớn, quý hiếm như voi, tê giác, trâu rừng, nai .... các loại thú vừa và nhỏ như mễn, khỉ, nhím, chồn, cheo và các loại chim, gà rừng ...

Khi tư bản Pháp tiến hành phá rừng lập đồn điền cao su thì rừng Bình Phước bị thu hẹp lại. Với địa thế hiểm trở, trong suốt hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, rừng Bình Phước từng là nơi xây dựng những căn cứ địa cách mạng. Hiện nay rừng Bình Phước bị thu hẹp lại do bị bom đạn, chất độc hóa học tàn phá trong chiến tranh ác liệt cùng với việc khai thác bừa bãi của các lực lượng lâm tặc và di dân tự do. Tuy vậy, đến nay rừng và đất rừng vẫn còn khá phong phú trên 359.899 ha, chiếm 52,68% diện tích toàn tỉnh.

Trên địa bàn Bình Phước, sông Bé là phụ lưu của sông Đồng Nai nhưng là dòng sông lớn chảy trong lãnh thổ của tỉnh. Sông Bé dài gần 200km, ở phía Bắc, nơi dòng sông chảy qua vùng cư trú của đồng bào Stiêng, M'ông, sông Bé được gọi là sông Đaklung. Xuôi về phía Nam đồng bào Kinh gọi là sông Bé. Sông Bé có một số nhánh sông quan trọng như ở thượng nguồn có sông Đakquit, ĐakRlap bắt nguồn từ vùng đất đỏ Nam Tây Nguyên và miền Đông Bắc Campuchia. Vào mùa khô, ở mạn thượng lưu có chỗ mực nước hạ thấp còn khoảng 1m có thể lội ngang qua sông. Nói chung sông Bé chảy trên lãnh thổ Bình Phước không thuận lợi cho giao thông đường thủy do có bờ dốc đứng, lòng sông có nhiều đá ngầm, nhiều ghềnh thác nên tàu thuyền lớn không thể đi lại được. Vào mùa mưa, nước từ các núi đồi, suối, rạch dồn dập đổ về khiến mực nước dâng cao đột ngột. Dòng sông hiền hòa trở nên hung dữ, nước cuộn cuộn chảy cuốn trôi những thân cây đổ; những bụi tre, doi đất hai bên bờ. Thượng nguồn thác Mơ độ dốc lòng sông rất lớn, ghềnh thác chập chùng quanh năm nước chảy ào ạt. Thác Mơ⁽¹⁾ không chỉ là một cảnh đẹp thiên nhiên thơ mộng mà còn có giá trị kinh tế. Tại đây đã xây dựng nhà máy thủy điện Thác Mơ. Điện Thác Mơ được hòa vào mạng lưới điện Quốc gia, để phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và đời sống sinh hoạt của nhân dân cả nước, trong đó có phần ưu tiên cho nhân dân



Bình Phước. Ngoài sông Bé, phía Tây Bình Phước còn có sông Sài Gòn bắt nguồn từ phía Bắc Lộc Ninh, đoạn chảy qua địa phận Bình Long gần 50 km, tạo thành ranh giới tự nhiên giữa Bình Long và Tây Ninh. Ngoài ra còn có nhiều sông, suối nhỏ rải rác khắp các huyện; nhiều hồ thiên nhiên, bưng bầu thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản và góp phần làm cho môi trường, khí hậu của Bình Phước trở nên ôn hòa.

Trong lòng đất của Bình Phước chứa đựng nhiều khoáng sản phong phú. Các nhà địa chất đã phát hiện ở Bình Phước có vỉa đá vôi trải dài qua hai huyện Bình Long và Lộc Ninh, có chiều sâu trên 200m, là thứ đá vôi rỗng gần như không lẫn tạp chất, dễ khai thác và vận chuyển. Tuy trữ lượng không bằng đá vôi Hà Tiên nhưng chất lượng tốt hơn hiệu quả kinh tế chắc chắn sẽ cao vì đá vôi được dùng làm xi măng, chất kết dính. Ở Bình Long có loại đá vôi biến chất thành đá hoa, màu sắc và cấu trúc đẹp, có độ cứng 3 rất có giá trị về nghệ thuật và kinh tế, dùng để trang trí trong xây dựng, tạc tượng, làm đồ lưu niệm và trang sức.

Ở Bình Phước, đá ba-dan chiếm trên nửa diện tích đá toàn tỉnh, chủ yếu ba-dan lộ ra ở nhiều nơi và được dùng làm vật liệu xây dựng như đá chẻ, đá hộc, đá dăm. Đá ong cũng là nguồn vật liệu xây dựng dùng để làm đường, làm trụ cột. Ngoài ra, Bình Phước còn có các loại đất sét ở Mã Đà, Đồng Xoài, Tà Thiết, Phước Long, Bù Gia Mập... dùng để làm gạch ngói.

Tài nguyên nước ngầm của Bình Phước cũng có giá trị kinh tế ngang tầm với mỏ khoáng sản quý. Các mũi khoan địa chất ở Bình Long, Lộc Ninh cho thấy nguồn nước ngầm của Bình Phước phong phú.

Bình Phước có hai trục đường giao thông chiến lược quan trọng là Quốc lộ 14 và Quốc lộ 13, nối liền Bình Phước với Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, với các tỉnh Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên và nước bạn Campuchia. Bên cạnh hai con đường chiến lược đó còn có đường ĐT741, ĐT748, ĐT749, ĐT750 ..., các đường lộ dọc ngang ở từng huyện, xã thuận lợi



cho việc đi lại của nhân dân. Tổng chiều dài các loại đường (không kể đường đất) trên địa bàn tỉnh là 1233km.

Đến nay, các đường đang được thi công làm mới sửa chữa và nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông giữa Nam Tây Nguyên với các tỉnh Nam Bộ. Trong tương lai, khi đường xuyên Á được xây dựng và tuyến đường sắt Lộc Ninh - Sài Gòn được khôi phục sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và giao thông ở Bình Phước. Các tuyến đường liên huyện, liên xã cũng đang được làm mới sửa chữa, nâng cấp để phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Đất Bình Phước ngày nay từng là địa bàn sinh sống của con người từ thuở xa xưa. Các di chỉ khảo cổ khai quật được đã chứng minh bề dày lịch sử của Bình Phước. Các nhà khảo cổ học đã thu thập được ở Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng những rìu đá mài nhẵn bốn mặt mà các nhà khảo cổ gọi là “rìu tứ diện” loại rìu này được phân bố ở nhiều nơi trên đất nước ta và các nước Đông Nam Á. Những “Thành tròn” phát hiện ở Bình Long, Lộc Ninh, chứng tỏ những khu vực cư trú tạm thời của các đoàn săn bắn tập thể của dân miền Đông Nam Bộ vào thời kỳ đồ đá chuyển sang đồ đồng cách đây 2-3 ngàn năm. Tuy trong các “Thành tròn” tầng văn hóa khảo cổ không rõ rệt, hiện vật thưa thớt nhưng nó là cơ sở chứng minh sự có mặt của những tộc người cổ trên đất Bình Phước. Tại Lộc Ninh, phát hiện một trống đồng nằm sâu trong lòng đất. Bằng phương pháp khoa học, các nhà khảo cổ kết luận trống đồng Lộc Ninh có niên đại cùng thời với trống đồng Đông Sơn ở miền Bắc nước ta. Gần đây, ngày 24/4/1998 hai trống đồng được phát hiện ở Thọ Sơn (Bù Đăng) và Long Hưng (Phước Long) cũng thuộc dòng trống đồng Đông Sơn có niên đại cách đây từ 1.900 đến 2.200 năm.

Như vậy, từ thuở xa xưa trên vùng đất Bình Phước ngày nay đã có con người sinh sống. Cuộc sống của những con người thời cổ diễn ra như thế nào thì tới nay tư liệu chưa cho phép làm rõ. Chỉ biết rằng cho đến thế kỷ XVI, chủ nhân của vùng đất



này là cư dân thuộc các dân tộc ít người S'tiêng, Châu Ro, M'ông, Tà mun... Họ sống chủ yếu bằng săn bắn, hái lượm, làm nương, tủa lúa theo phương thức du canh du cư. Họ sống rải rác theo từng buôn sóc. Bộ lạc S'tiêng là những người có công khai phá vùng đất từ núi Bà Đen đến thượng nguồn sông Sài Gòn, vùng núi Bà Rá và vùng hữu ngạn sông Đồng Nai là vùng đất xưa của người Châu Ro. Sang đầu thế kỷ XVII, vùng đất này dần dần thu nạp những dân cư mới người Khơ me đã lập làng ở vùng Nha Bích, người Kinh di cư từ các tỉnh phía Bắc vào. Trong số này có những người vì không chịu nổi sự áp bức bóc lột của chế độ phong kiến Trịnh - Nguyễn cũng như cảnh lầm than, chết chóc do chiến tranh phong kiến gây ra phải rời bỏ quê hương, có người mắc tội "nghịch mạng với triều đình" bị lưu đày đến đây, có người trốn tránh sưu thuế, binh dịch phải chạy vào đây tìm chốn nương thân. Theo chân người Việt, một số người Hoa cũng bắt đầu du nhập vào tỉnh. Thời kỳ đầu, người Việt, người Hoa sống chủ yếu ven sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Về sau dân số phát triển họ mở rộng địa bàn cư trú lên các huyện phía bắc Bình Phước.

Cuối thế kỷ XVIII, sự tiếp xúc giữa người Kinh và người S'tiêng ở Bình Phước đã diễn ra tương đối thường xuyên thông qua những binh lính lưu đồn nhà Nguyễn và gia đình của họ. Những người Kinh này phần đông là dân cư vùng Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Từ năm 1832 đến 1889, sự gia tăng dân số người Kinh rất rõ rệt. Thời kỳ này, những thống kê hành chính địa phương đã ghi tên các làng người S'tiêng và người Khơ me ở vùng Hớn Quản theo tên gọi Hán Việt do nhà Nguyễn đặt như An Lộc, Bình Tây, Đông Phát, Đông Nơ, Xuân La, Nha Bích. Đầu thế kỷ XIX, người Kinh đã cư trú tập trung thành từng làng ở khu vực phía Nam tỉnh.

Đến thời Pháp, qua những lần khai thác thuộc địa, bọn tư bản thực dân mở đồn điền cao su, một bộ phận nông dân bị bần cùng hóa ở các tỉnh phía Bắc được thu hút về đây làm phu đồn điền, người Kinh ở Bình Phước tăng lên rõ rệt, hình thành tầng lớp công nhân bị bóc lột hết sức nặng nề. Do tính chất tập



trung và kỷ luật công nhân cao su dần dần giác ngộ giai cấp.

Sang thời Mỹ - ngụy, một bộ phận tín đồ Công giáo di cư từ miền Bắc vào được ngụy quyền đưa lên khu vực Bình Phước lập ra các khu dinh điền, khu trù mật nhằm tạo cơ sở xã hội cho sự thống trị của chúng. Năm 1956, khi Ngô Đình Diệm thành lập tỉnh Phước Long, tỉnh Bình Long, số dân bị ép buộc di cư từ các tỉnh Trị Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định vào, dẫn đến cơ cấu dân cư có sự thay đổi lớn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối công nông liên minh được hình thành hỗ trợ cho nhau, làm nòng cốt cho mặt trận thống nhất đoàn kết toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến đến thắng lợi, giải phóng tỉnh nhà góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, dân số Bình Phước lại tăng nhanh trong đó phần lớn là đồng bào các tỉnh đông dân đi xây dựng kinh tế mới. Một số khác là cán bộ tập kết trở về, bộ đội phục viên, công nhân cao su được tuyển từ nơi khác đến để khôi phục và phát triển các nông trường cao su. Từ 1/1/1997, tỉnh Bình Phước chính thức được tái lập, dân số Bình Phước lại tiếp tục tăng lên do nhân dân ở khắp các tỉnh thành trong cả nước đến lập nghiệp, xây dựng kinh tế và công tác.

Có thể nói Bình Phước hiện nay là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam với những bản sắc văn hóa đa dạng, tất cả các đặc tính đó đều nằm trong sự thống nhất của nền văn hóa Việt Nam. Nói đến văn hóa truyền thống ở Bình Phước, trước hết phải nói đến nền văn hóa truyền thống lâu đời của cư dân bản địa mà tiêu biểu là người dân tộc S'tiêng. Một trong những văn hóa truyền thống nổi tiếng của đồng bào S'tiêng và các dân tộc ít người ở Tây Nguyên vẫn được bảo tồn và được các nhà nghiên cứu âm nhạc thế giới chú ý. Đó là văn hóa Cồng Chiêng. Cồng Chiêng có vị trí hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa của đồng bào S'tiêng. Qua bao biến động thăng trầm của lịch sử, văn hóa Cồng Chiêng vẫn được duy trì và lưu truyền cho tới ngày nay. Đối với người S'tiêng, Cồng Chiêng là của gia bảo cha truyền con nối thể hiện sự giàu có của từng gia đình, từng dòng tộc hay cộng đồng. Có những bộ Cồng Chiêng được lưu

truyền hàng trăm năm.

Về mặt âm nhạc, đây là nhạc cụ tiêu biểu, chủ đạo của đồng bào S'tiêng cũng như hàng chục dân tộc trong cộng đồng Tây Nguyên. Cồng Chiêng gắn bó mật thiết với đời sống từng con người, từng cộng đồng; gắn bó với tâm hồn của cả một dân tộc trong quá trình lao động sản xuất, săn bắn, chiến đấu; trong những ngày lễ hội vui, buồn. Đặc biệt, do cách biểu diễn tập thể nên văn hóa Cồng Chiêng có tác dụng giáo dục tính cộng đồng, tương thân, tương ái và đoàn kết. Tuy nhiên đến nay trong văn hóa S'tiêng có một số loại hình đã bị mai một như hát đối đáp hát, dệt vải...

Bản sắc văn hóa S'tiêng, M'nông còn biểu hiện rõ nét trong cấu trúc nhà ở, tục đâm trâu; lễ dựng làng, lễ nghi cưới xin, chọn đất làm rẫy... Người S'tiêng có nghệ thuật rèn đúc khá sắc sảo.

Đặc điểm văn hóa của các dân tộc bản địa ở Bình Phước là có sự giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau. Người S'tiêng ở Bình Phước giữ được phong tục, tập quán đặc thù riêng, bản sắc văn hóa riêng nhưng cũng ảnh hưởng văn hóa người Việt. Trong tín ngưỡng dân gian còn ảnh hưởng văn hóa Chăm hoặc Khơme, M'nông ...

Người Tà Mung có nhiều phương thuốc gia truyền rất có giá trị và còn bảo lưu hai bài dân ca của tổ tiên xa xưa mà nay các dân tộc khác không có.

Về tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Stiêng, Khơ Mer, M'nông, Tà Mung, Châu Ro ... ở Bình Phước là tín ngưỡng đa thần.

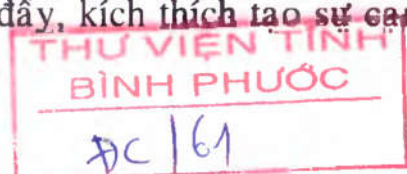
Đến khi những lớp cư dân người Kinh xuất hiện thì ở Bình Phước xuất hiện các đạo giáo mới như đạo Phật, Thiên Chúa Giáo, Tin lành ... Đặc biệt, dưới thời Ngô Đình Diệm một số tôn giáo ở Bình Phước do Mỹ - Diệm bố trí, chi phối phát triển nhanh nhằm phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng. Sau khi thành lập tỉnh Phước Long, Bình Long Mỹ - Diệm đưa dân



cư từ các tỉnh miền Trung vào, đặc biệt là đồng bào Thiên Chúa Giáo miền Bắc di cư vào được Mỹ - Diệm đưa về Bình Phước ngày càng đông làm hậu thuẫn chính trị và để làm lá chắn phòng thủ bảo vệ chúng ở các khu vực trung tâm và những nơi quan trọng. Các xứ đạo Long Điền (Phước Bình), Chu Ninh (Bù Đốp), Bù Đăng đều là dân công giáo miền Bắc di cư. Chúng còn phát triển đạo Tin lành trong đồng bào Stiêng, lập nhà thờ ở Sơn Giang (Phước Long) và Bù Đăng để quy tụ đồng bào dân tộc vào sinh hoạt. Chúng cho lập thánh thất Cao Đài ở Phước Long và tổ chức đưa tín đồ từ các vùng đồng bằng Nam Bộ lên định cư ở đây. Đặc biệt, từ đầu những năm 90 trở lại đây, đạo Tin lành phát triển khá mạnh trong vùng đồng bào dân tộc. Nhìn chung đồng bào có đạo luôn chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

Bình Phước là một trong những tỉnh có tiềm năng phát triển kinh tế. Dựa vào điều kiện tự nhiên và tiềm năng sẵn có, Bình Phước xác định cơ cấu kinh tế của tỉnh là Nông lâm nghiệp - Dịch vụ - Công nghiệp. Với tổng quỹ đất nông nghiệp trên 177.452 ha, chiếm gần 26% diện tích toàn tỉnh, chủ yếu là đất đỏ ba-dan thích hợp với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Tỉnh ủy và UBND tỉnh xác định nhiệm vụ của các địa phương coi nông - lâm nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu thúc đẩy tiến trình kinh tế xã hội trên địa bàn. Các loại cây công nghiệp dài ngày là thế mạnh của tỉnh như cao su, điều, cà phê, tiêu đã và đang hình thành các vùng sản xuất tập trung, có khả năng cung cấp số lượng lớn sản phẩm cho công nghiệp chế biến tại chỗ và xuất khẩu.

Tỉnh Bình Phước nằm cạnh khu kinh tế năng động, phía Nam tốc độ tăng trưởng cao; có nhiều lợi thế về vị trí, cơ sở hạ tầng, môi trường đầu tư thuận lợi, hấp dẫn như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Đó là lợi thế để Bình Phước có thể hòa nhập, kêu gọi đầu tư. Đồng thời sự phát triển nhanh của các tỉnh bạn có tác dụng thúc đẩy, kích thích tạo sự cạnh tranh lành mạnh với Bình Phước.



Với nguồn lao động dồi dào gần 300.000 người trong đó độ tuổi từ 16 đến 40 chiếm 40% tổng số lao động hiện có, có đức tính cần cù, chịu khó là nguồn lực hết sức quan trọng. Đảng bộ và nhân dân Bình Phước có bề dày lịch sử, qua các cuộc kháng chiến đã tôi luyện bản lĩnh chính trị vững vàng. Có nhiều cán bộ trẻ có trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị cao đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Mặc dù còn phải phấn đấu gian khổ để khắc phục khó khăn, hạn chế của một tỉnh mới tái lập song với những tiềm năng, thế mạnh nêu trên sẽ là những tiền đề cơ bản hứa hẹn sự phát triển trong tương lai Bình Phước sẽ trở thành một tỉnh giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, nhân dân có đời sống ấm no và hạnh phúc.



## **CHƯƠNG II: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI**

### **I. CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NGÀNH KHAI THÁC CAO SU:**

#### ***1. Sự ra đời của ngành khai thác cao su ở Bình Phước:***

Sau khi thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị ở xứ Nam Kỳ; Năm 1882, toàn quyền Đông Dương Pôn Du-me (Paul Doumer) bắt đầu tổ chức thực hiện kế hoạch bình định vùng phía Nam Bà Rá và Hớn Quản và vùng Nam Đắc Lắc cũng như phía Đông của Campuchia. Đến năm 1892 chúng mở rộng lên 6 tổng và 50 buôn làng ở phía Bắc Thủ Dầu Một. Năm 1898 chúng đặt thêm một số đồn bót nhỏ ở các vùng Bù Đốp, Chơn Thành, Bà Rá, Hớn Quản do binh lính người Việt trú đóng.

Từ năm 1899 trở về sau chúng tiếp tục tổ chức nhiều cuộc thám sát trên vùng đất Bình Phước, trong đó phải kể đến đoàn thám sát của Pôn Pát-tê (Paul Patte) đã tiến hành một chuyến đi dài ngày nhằm khám phá thêm vùng đất của đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 1904 đoàn thám sát của Pôn Pát-tê gồm một bác sỹ, một nhân viên cầu đường, một viên đội người Pháp cùng 13 lính người Việt đã tiến hành thám sát 2 bên bờ sông Bé, vùng Bà Rá và Hớn Quản.

Sau khi thâm nhập sâu vào vùng đồng bào dân tộc, thực dân Pháp tiếp tục tổ chức nhiều cuộc hành quân do các tên đại úy Giê-Nanh, bá tước Ba-tê-lê-mi (Barthélémy), trung tá Ca-ri-ê (Carrier) chỉ huy đàn áp và bắt dân ở lưu vực sông Bé, dưới chân núi Bà Rá đưa về làm lao dịch. Thực dân Pháp dùng chính sách lừa mị kết hợp với biện pháp vũ lực để cướp đất của đồng bào dân tộc, xua đuổi họ phải rời bỏ buôn làng, nương rẫy.

Thâm hiểm hơn là chúng gây chia rẽ những cộng đồng bộ lạc, khơi lại nỗi hận thù xa xưa do lịch sử để lại giữa các dân tộc thiểu số với người Kinh. Chúng xóa bỏ chế độ tù trưởng và dựng lên lớp tay sai thuộc tầng lớp có uy quyền nhất của các làng, tổng.

Đối với thực dân Pháp, mục đích đánh chiếm Việt Nam là để biến Việt Nam thành thuộc địa, để khai thác thuộc địa Việt Nam phục vụ cho lợi ích của nước Pháp. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chính sách khai thác thuộc địa ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam đã được hình thành với tinh thần cơ bản là: Thuộc địa Đông Dương phải được đặc biệt dành riêng cho thị trường Pháp. Nền sản xuất ở thuộc địa này chỉ được thu gọn trong việc cung cấp cho chính quốc. Về kỹ nghệ, nếu cần được khuyến khích thì cũng chỉ sản xuất những gì mà nước Pháp cần. Chiếm Việt Nam để làm thị trường tiêu thụ hàng hóa, để khai thác tài nguyên của Việt Nam là chính sách kẻ cướp của tập đoàn thống trị nước Pháp lúc đó - một nước tư bản đang chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Với mục tiêu này, ngay từ năm 1888, tức là chỉ sau 4 năm hoàn thành công cuộc đánh chiếm bằng quân sự đối với Việt Nam, toàn quyền Đông Dương đã ra Nghị định cho bọn địa chủ thực dân được quyền lập đồn điền ở những vùng đất mà chúng gọi là “vô chủ”. Cái gọi là “đất hoang”, “đất vô chủ” thực chất là chúng đuổi người nông dân bằng nhiều cách để chiếm đoạt địa sản. Việc cướp đoạt đất đai diễn ra trắng trợn, tàn bạo, gây nên những thảm cảnh khôn cùng cho người dân đã từng sinh sống bao đời trên mảnh đất quê hương.

Trong công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, ngành khai thác cao su ở Việt Nam nói chung và Bình Phước nói riêng đã hình thành. Ngành khai thác cao su ra đời trước tiên và chủ yếu là ở Nam Kỳ gắn liền với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương của thực dân Pháp. Bắt đầu từ năm 1897, toàn quyền Pôn Du-me (Paul Doumer) cho lập vườn thí nghiệm Ông Yêm ở Thủ Dầu Một do một dược sĩ người Pháp



là Ra-un (Raul) phụ trách và ở Suối Dầu Nha Trang do bác sỹ Yéc-xanh (Yersin) phụ trách. Cả hai trại thí nghiệm này đều thành công. Sau khi thử nghiệm thành công, tư bản Pháp đã hùn vốn để chuẩn bị khai thác đồn điền. Ở Nam Kỳ có các Công ty là: Công ty Cao su Đồng Nai - tức Công ty Kỹ nghệ và Rừng Biên Hòa trước kia - được thành lập vào năm 1908, đối tượng của Công ty này là khai thác đồn điền cây cao su, cây có dầu và nứa ở Đông Dương. Trong những năm 1914 -1918 Công ty này tập trung khai phá vùng rừng Trảng Bom, Cây Gáo, Túc Trung và khu vực chiến khu Đ sau này.

Nắm chắc kết quả, bọn tư bản Pháp hùn vốn để khai thác đồn điền. Các công ty cao su lần lượt ra đời theo chính sách khai thác thuộc địa của nhà cầm quyền Pháp, các chủ nhà băng (ngân hàng) các nhóm tư bản tài phiệt Pháp đều có phần hùn vào các công ty lớn. Dùng mãnh lực đồng tiền và thế lực chính quốc, chúng nắm bọn viên chức thuộc địa từ phủ toàn quyền Đông Dương đến thống đốc Nam Kỳ, chủ tỉnh. Vì vậy, bao nhiêu bất công áp bức, đánh đập giết chóc, bóc lột tàn bạo đều được bao che, dung túng. Mỗi công ty là một vương quốc nhỏ, nắm quyền sinh sát. Luật lệ của thanh tra lao động và ngành y tế không có tác dụng gì đối với chúng.

Sau chiến tranh, công cuộc khai thác cao su càng diễn ra ồ ạt vì lúc này nền công nghiệp Pháp mỗi năm cần đến 10 vạn tấn cao su, nhưng thứ hàng chiến lược này Pháp chưa tự túc được mà phải nhập của Anh. Nắm được nhu cầu của thị trường Pháp, bọn tư bản thực dân tranh nhau đầu tư vào khai thác cao su. Vốn đầu tư vào cao su tăng vọt, diện tích trồng cao su cũng tăng. Đây là thời kỳ ngành khai thác cao su của tư bản Pháp gắn liền với sự mở rộng của các Công ty cao su lớn và cũng gắn liền với việc thành lập các đồn điền trên khắp miền Đông Nam Bộ, trong đó ở Bình Phước chúng mở rộng:

- Công ty Cao su Đất Đỏ liên tiếp lập ra những đồn điền lớn như Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Xa Cát và nhiều nơi khác ở Biên Hòa, Bà Rịa không những thế trong quá trình phát

triển, Công ty này còn mở rộng diện tích khai thác cao su sang tận vùng biên giới Campuchia; riêng ở đồn điền Quản Lợi từ 1916 đến 1937 đã phát triển thêm được 5.372,35 ha, đồn điền Xa Cam 3.100,63 ha, đồn điền Xa Trạch 1.613,51 ha.

- Công ty Mít-sơ-lanh từ 1917 đến 1935 đã xây dựng hai đồn điền cao su lớn là Dầu Tiếng và Phú Riềng (sau đổi thành đồn điền Thuận Lợi).

- Công ty Cao su Xét xử (S.C.C.E.O) thành lập hai đồn điền cao su lớn là Lộc Ninh và Đakia.

Như vậy, gắn liền với sự phát triển ồ ạt của việc khai thác cao su ở Việt Nam, thực dân Pháp đã thành lập một loạt đồn điền cao su trên đất Bình Phước. Chính tại các đồn điền cao su này, đội ngũ công nhân cao su Bình Phước đã hình thành và trở thành lực lượng cách mạng quan trọng có sức mạnh to lớn góp phần vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau này.

## ***2. Sự ra đời của đội ngũ công nhân và ách cai trị tàn nhẫn của thực dân Pháp trong các đồn điền cao su:***

Cùng với sự ra đời của các đồn điền cao su trên vùng đất Bình Phước, đội ngũ công nhân cao su cũng bắt đầu xuất hiện. Trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất số lượng công nhân cao su chuyên nghiệp chưa nhiều vì lúc bấy giờ công việc của các Công ty chủ yếu là phá rừng, dọn đất để lập đồn điền. Việc trồng cao su mới chỉ bắt đầu và còn mang tính thăm dò. Do đó, đại bộ phận nhân công lúc này được thuê mướn tạm thời hoặc tuyển dụng từ những nông dân người địa phương hoặc người dân tộc. Đa số những công nhân này hết hợp đồng lại trở về nhà với ruộng đồng và nương rẫy.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, công nhân cao su thuộc địa bàn Hớn Quản, Bà Rá tăng lên rất nhanh. Nguồn gốc của công nhân đồn điền cao su cũng có sự thay đổi cùng với sự phát triển của việc khai thác cao su. Do yêu cầu phát triển của sản xuất cao su, dân địa phương không đủ để cung cấp cho các đồn điền, buộc bọn chủ tư bản Pháp phải ra miền Bắc, miền



Trung tuyển mộ. Chúng thường gọi là “mộ phu” hay “công tra”. Có một số đồn điền mộ phu từ các thuộc địa của Hà Lan do thiếu công nhân chuyên nghiệp. Đến năm 1922, đồn điền cao su Lộc Ninh vẫn sử dụng công nhân người Chà-và (Javanais) - tức phu mộ từ In-đô-nê-xi-a thuộc loại công nhân có tay nghề cao. Về sau, số công nhân này về xứ vì không quen với môi trường xa lạ. Mặt khác, thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a cấm xuất khẩu công nhân cao su để chống lại sự cạnh tranh của tư bản Pháp ở Việt Nam.

Đối tượng tuyển mộ của tư bản Pháp ở miền Bắc và miền Trung vào thời điểm trước và sau năm 1929 cũng có sự khác nhau. Trước năm 1929 phu mộ là những thanh niên trai trẻ chưa lập gia đình. Sau năm 1929 chủ yếu là mộ cả gia đình nhằm đảm bảo nguồn lực lâu dài cho các đồn điền, đồng thời hạn chế sức đấu tranh chống đối của công nhân. Bằng các thủ đoạn dụ dỗ và cưỡng ép, từ 1919 đến 1929, thực dân Pháp đã mộ được hàng chục ngàn công nhân vào làm trong các đồn điền thuộc các quận Hớn Quản và quận Bà Rá. Riêng năm 1929, số công nhân được tuyển mộ đi làm đồn điền cao su tụt xuống nhiều là do có phong trào tẩy chay mạnh mẽ việc mộ phu đồn điền cao su do các tổ chức cách mạng trong nước phát động. Mặt khác, vụ ám sát Ba-danh (Bazin) - tên cai mộ phu gian ác làm xôn xao dư luận khiến người đi mộ giảm hẳn.

Trong việc mộ phu cao su, thực dân Pháp khoanh vùng mộ phu cho các Công ty để tránh sự tranh chấp. Các Công ty trên địa bàn Hớn Quản, Bà Rá chủ yếu mộ phu từ các tỉnh Thái Bình, Hải Phòng, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nội. Đối với người nông dân nghèo khổ, việc mộ phu đi các đồn điền cao su trở thành tội ác xấu xa, gieo bao tai họa cho họ. Tờ báo La Volonté Indochinoise (Ý chí Đông Dương) ra ngày 10/8/1927 đã viết: “Đó là sự tái bản giữa thế kỷ XX này của cái chợ buôn nô lệ”. Bọn mộ phu dùng mọi thủ đoạn để tuyển được nhiều phu cho đồn điền. Cứ mỗi người phu mộ được thì kẻ mộ phu được hưởng một khoản tiền hoa hồng. Vì thế bọn mộ phu đổ xô đến các vùng dân cư ở Bắc Kỳ, Trung kỳ để đánh lừa dân

nghèo, hứa hẹn đủ điều. Song thủ đoạn này chỉ có tác dụng thời gian đầu. Về sau, chúng dùng thủ đoạn tinh vi và trắng trợn hơn trước. Trần Tử Bình - người phu công-tra thuộc lớp đầu tiên ở đồn điền cao su Phú Riềng sau trở thành nhà hoạt động cách mạng đã kể lại: “Có người còn bị lừa ký hợp đồng bằng một cách thế này: chúng bảo phải chụp hình để trình Nhà nước. Có thể sau này sẽ xảy ra chuyện gì Chính phủ mới bênh vực cho. Thế rồi chúng đưa người phu đi chụp ảnh. Chụp nghiêng, chụp thẳng đủ kiểu. Sau đó chúng đưa giấy bảo người ấy điểm chỉ để sau nhận ảnh. Sau mới biết té ra giấy đó lại chính là một tờ hợp đồng in sẵn. Cái người bị lừa ấy không bao giờ biết là mình đã điểm chỉ vào giấy bán đứt tính mạng và tự do của mình cho chủ tư bản”⁽²⁾.

Người dân phu được tuyển mộ phải chịu sự quản lý chặt chẽ ngay từ khi ký tên vào giấy giao kèo. Bọn cai mộ tập trung dân phu đưa lên tàu hỏa hoặc tày thủy, ô tô về các đồn điền. Chủ đồn điền phân bố họ về các làng. Chúng thường bố trí làng theo địa phương, quê quán của người dân phu. Tỉnh nào đông dân phu thì xếp thành làng riêng, các tỉnh ít dân phu thì ghép chung vào một làng gọi là làng “Tứ xứ”.

Hệ thống cai trị của giới chủ đồn điền hết sức chặt chẽ và khắc nghiệt. Đứng đầu một đồn điền là chủ đồn điền (bao gồm cả chủ nhất và chủ nhì). Chủ đồn điền có bộ phận chuyên môn giúp việc. Dưới chủ đồn điền là các chánh giám thị (Xu-vây-dăng sếp). Các chánh giám thị điều khiển các giám thị viên. Các giám thị viên chỉ huy các cai và các cai theo dõi giám sát các kíp sản xuất.

Mỗi kíp sản xuất có khoảng 10 công nhân do một cai trông coi. Mỗi tên Xu-vây-dăng quản lý 3 kíp sản xuất và cứ ba kíp sản xuất được lập thành một đội sản xuất. Mỗi tên Xu-vây-dăng sếp chỉ huy ba tên Xu-vây-dăng. Trong mỗi đồn điền có nhiều Xu-vây-dăng sếp, những tên này chịu sự điều khiển của chủ nhất. Cai thì hầu hết là người Việt Nam, mức sống của cai có khá hơn công nhân. Xu-vây-dăng được ở nhà riêng, có một



dân phu phục dịch. Do lối đối xử phân biệt nên trong hàng ngũ cai có sự phân hóa. Một số cai muốn ngoi lên Xu-vây-dăng để được hưởng quyền lợi cao hơn nên chúng thẳng tay đàn áp công nhân, sẵn sàng quỳ gối làm theo mọi mệnh lệnh của bọn chủ. Một số khác thì lại đứng về phía công nhân trong các cuộc đấu tranh giành quyền dân sinh hàng ngày.

Để giữ chân công nhân, chúng dùng cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện nhằm móc hết tiền lương làm cho họ tay trắng suốt đời không thể về quê hương bản xứ.

Đặc biệt thâm hiểm là bọn chủ Pháp thường lợi dụng đồng bào dân tộc thiểu số để giữ chân công nhân lại. Đồng bào dân tộc thiểu số là dân bản địa, các phum-sóc của họ nằm rải rác chung quanh các đồn điền. Họ sống rất nghèo khổ, bản chất lại thật thà chất phác. Lợi dụng điều đó, bọn chủ tư bản đã thưởng muối, vải, tiền cho người Thượng nào bắt được công nhân chạy trốn. Nhiều công nhân ở đồn điền Phú Riềng, Quản Lợi, Lộc Ninh ... đã bị người dân tộc thiểu số bắt lại đem nộp cho chủ Pháp để lãnh thưởng. Ngoài những thủ đoạn trên, bọn chủ đồn điền còn tìm mọi cách chia rẽ giữa công nhân có đạo và công nhân không có đạo hoặc gây mối hiềm khích giữa dân phu cũ và dân phu mới. Chúng thường đưa dân công-tra mới ở xen vào xóm dân công-tra cũ để thực hiện ý đồ nham hiểm “lính mai cai lính tôi”.

Vào đồn điền, người công nhân cao su bị áp bức bóc lột hết sức nặng nề và bị đối xử vô cùng tàn nhẫn. Họ phải làm việc mỗi ngày từ 10-12 giờ, tiền lương rẻ mạt, tiền thưởng không có, đau ốm không dám nghỉ vì sợ bị trừ lương. Ngày này qua ngày khác, từ 3 h 30 sáng, khi nghe tiếng keng tầm vang lên, người phu cao su liền tất tả chạy đến sân điểm danh. Tại đây, việc điểm danh đi liền với những trận roi mây, roi gân bò, cù nèo đánh lên đầu, lên cổ. Đi chậm: đánh, ngồi không ngay hàng: đánh, trả lời chậm: đánh, trong thùng có cát: đánh, dao lứt: đánh, gọi không dạ mà ừ: đánh. Mỗi buổi sáng ở sân điểm danh diễn ra cảnh đánh đập man rợ đối với anh chị em công nhân.



*Cuộc bãi công biểu tình ngồi của công nhân Phú Riềng.*



*Cảnh sống bán cùng của công nhân cao su trước bọn chủ.*



Điểm số xong, dân phu phải ra lô làm việc ngay. Làm xong về tới nhà đã 8 - 9 giờ đêm. Công nhân cao su thường truyền nhau câu nói chua chát:

*“Con không biết mặt cha  
Chó không biết mặt chủ nhà”.*

Làm việc cực nhọc như vậy nhưng người công nhân còn phải chịu đựng với muỗi, mòng, vắt, kiến lửa, mối ... muỗi gây bệnh sốt rét, mòng gây bệnh sâu quầng. Vì không có thuốc điều trị nên lâu ngày dẫn đến tàn phế tử vong.

Chế độ làm việc đã vậy, chế độ ăn uống lại càng cơ cực hơn. Mỗi ngày một người phu cao su được phân 400 gam gạo mốc, mực cùng mấy con cá khô mực. Ăn uống đã khổ cực, chỗ ở cũng không hơn gì. Sáu người chen chúc nhau trong một căn nhà lá lụp xụp, tối tăm khoảng 24 m². Có nhà nhưng không có bếp phải đun nấu ngay cạnh giường nằm, khói bụi đầy nhà.

Lao động cực nhọc, ăn ở tồi tàn mà lương thì rẻ mạt, là đồng lương chết đói. Cách tính lương của chúng là sao cho hết tháng là công nhân cũng hết tiền. Lao động vất vả, ăn uống khổ cực, tiền lương chết đói nhưng chưa phải là tất cả nỗi thống khổ của công nhân. Các hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo của bọn chủ đồn điền còn không ngừng trút lên đầu công nhân.

Sự áp bức, bóc lột, đè nén trên làm cho con số tử vong trong năm rất cao. Ở các đồn điền thuộc Công ty Cao su Đất Đỏ tính ra cứ 100 công nhân thì có 19 người chết và 37 người bị bệnh nặng. Một tài liệu còn lưu trữ tại đồn điền An Lộc cho thấy tại đây, tuổi thọ bình quân của nam công nhân không quá 30, có 95% nữ công nhân bị sẩy thai và ốm đau. Nhiều trẻ em mới 2 - 3 tuổi đã mắc bệnh sưng lá lách và phù thận.

Ngoài nỗi khổ nhục chung của mọi công nhân đồn điền cao su, nữ công nhân còn nỗi khổ nhục riêng không thể nào tả xiết. Nữ công nhân nào có chút nhan sắc bị bọn cai, xu nhìn thấy lập tức bị điều lên nhà riêng của chúng để tưới hoa, quét nhà, coi vườn rồi giày vò chị em. Đến khi hoa tàn nhụy rửa thấy

chán chúng lại thả ra. Có gia đình chồng đi làm ngoài lò, vợ ở nhà bị bọn xu, sếp mò đến cưỡng hiếp. Trong hồi ký Phú Riêng Đỏ, Trần Tử Bình kể lại: “Nữ công nhân nom sạch mắt một chút lại càng tội nghiệp. Hết Xu-vây-dăng sếp đến Xu-vây-dăng thường, rồi cai tây, cai ta gọi lên. Chỉ qua vài tuần, thân đã tàn tạ chẳng khác nào chiếc lá héo. Nếu người ấy có chồng còn liên lụy đến cả chồng. Ai chống cự cưỡng lại chúng nó thì chúng nó đánh người chồng đến chết, còn vợ thì vẫn bị cướp đi mất, đến lúc nó già vò chán chê rồi thả cho về là đã ra ma”. Sự tủ nhục này đã được công nhân đúc kết trong câu ca dao:

*“Vợ mình là thật vợ mình  
Xu, sếp muốn lấy mặc tình chẳng kiêng”.*

Tất cả những tình cảnh trên cho thấy chính sách khai thác thuộc địa của Pháp lúc này ở đồn điền cao su đã dồn những người công nhân vào cuộc đời khốn khổ. Song chính sự áp bức bóc lột vô cùng hà khắc ấy là yếu tố thúc đẩy công nhân cao su phải đứng lên đấu tranh với bọn chủ đồn điền để bảo vệ quyền lợi, cuộc sống của mình. Với truyền thống anh dũng quật cường, đồng bào các dân tộc thiểu số và công nhân cao su đã đứng lên đấu tranh chống lại ách thống trị của thực dân Pháp.

## **II. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP Ở BÌNH PHƯỚC TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI:**

### ***1. Đồng bào dân tộc thiểu số khởi nghĩa vũ trang chống Pháp:***

Trong lịch sử, đồng bào các dân tộc thiểu số là chủ nhân đầu tiên của vùng rừng núi bao la, hoang vắng với đất đai màu mỡ và gỗ quý bạt ngàn. Từ thuở xa xưa họ đã phải đấu tranh liên tục với thiên nhiên để bảo tồn và phát triển sự sống của mình. Điều kiện sống nơi thiên nhiên hoang dã đã hun đúc nên bản tính tự lực, tự cường tự do, phóng khoáng, thật thà, trọng tín nghĩa của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Khi thực dân Pháp đặt ách cai trị lên vùng đất này và tiến hành khai thác các đồn điền cao su, tư bản Pháp đã cướp



đoạt trắng trợn đất đai, nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng bào phải rời bỏ buôn làng, phum-sóc thân yêu của mình, bỏ lại những vùng đất bằng phẳng, màu mỡ cho bọn chủ tư bản Pháp rồi chuyển vào rừng sâu. Tại nơi ở mới họ cũng không yên thân. Đồng bào phải gởi một nắm đất mang về nộp cho chủ đồn điền, nếu là đất đỏ chúng lại tìm mọi cách xua đuổi họ để chiếm đất mở rộng đồn điền.

Chính sách my dân của cái gọi là “Đất Thượng của người Thượng” mà thực dân Pháp rêu rao trước đó không lâu, dần dần tự bộc lộ sự giả dối trước đồng bào dân tộc thiểu số. Sự mất mát những quyền lợi thiết thân hàng ngày cùng nhiều đau khổ do giặc Pháp gây ra đã tạo nên mối thù sâu sắc trong đồng bào dân tộc làm bùng nổ những cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại thực dân Pháp.

Lúc đầu, các tù trưởng bộ lạc là những người đề xướng các cuộc chiến đấu chống Pháp lẻ tẻ. Ngay từ năm 1908, ở vùng Hớn Quản, dưới sự lãnh đạo của ông Điểu Dố - người Stiêng ở sóc Thủ Bồn, Xã Trạch quận Hớn Quản; đông đảo đồng bào các dân tộc Stiêng, Châu Ro, Tà Mung, Mnông đã đứng lên cùng nhau đánh đuổi giặc Pháp xâm chiếm buôn làng. Cuộc khởi nghĩa này được đông đảo đồng bào các dân tộc thiểu số ở khu vực Hớn Quản hưởng ứng. Ông Điểu Dố quy tụ được nhiều người khỏe mạnh, hăng hái vào lực lượng khởi nghĩa. Mỗi lần ra trận, ông Điểu Dố và nghĩa quân dưới quyền chỉ có giáo mác, cung tên, cây rừng vạt nhọn nhưng tinh thần chiến đấu vô cùng anh dũng. Ông Dố lập căn cứ tại Núi Gió (Quản Lợi), chỉ huy nghĩa quân đánh các bót Hớn Quản, Bù Đốp và hoạt động ở nhiều nơi khác. Thực dân Pháp hoảng sợ, nhiều lần mở các cuộc càn quét đàn áp cuộc khởi nghĩa. Trước sức mạnh quân sự của Pháp và do lực lượng quá chênh lệch, ông Dố và nghĩa quân rút về xóm Mát, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát. Đến năm 1918, trong một cuộc chiến đấu ở vùng ngã ba Nhà Mát, xã Long Nguyên, Điểu Dố bị giặc Pháp bắn chết. Không còn người chỉ huy nhưng đồng bào dân tộc vẫn tiếp tục cuộc đấu chiến đấu chống lại ách thống trị của thực dân Pháp. Trong

nhiều năm liền, từ 1919 đến 1923, nghĩa quân Stiêng vẫn hoạt động và có lúc mở rộng địa bàn sang cả đất Campuchia ở vùng Xơ-rây Khơ-tum (Srey Khtum) và Xơ-rây Chia (Srey Chia). Thực dân Pháp mở nhiều cuộc hành quân và kêu gọi nghĩa quân đầu hàng nhưng không có kết quả.

Từ năm 1912 trở đi, dưới sự lãnh đạo của N'Trang Lơng⁽³⁾, đồng bào các dân tộc vùng núi Bà Rá, Phú Riềng, Hớn Quản, Lộc Ninh ... đã tổ chức nhiều cuộc khởi nghĩa chống lại giặc Pháp. Cầm đầu các cuộc khởi nghĩa là những người được đồng bào dân tộc gọi là “Tướng lĩnh” như các ông R'Đinh - Chủ làng S'tiêng ở sóc Bù Kơn, ông R'ônglen Chủ làng Mnông ở khu vực sông Đak Lung, sóc Bom Bu Nơr ... Đội quân của họ thường có từ 150 đến 170 người, có lúc lên đến 400-500 người gồm cả dân làng.

Đầu năm 1912, trong một trận mở màn, nghĩa quân N'Trang Lơng đã phục kích bất ngờ, tấn công vào tòa đại lý Pusna tiêu diệt một số lính khố xanh và tên quan đồn. Chỉ huy sở của chúng ở chân núi Nam Lia cũng bị tiêu diệt cùng một lúc. Phát huy thắng lợi vừa giành được, ngay sau đó, nghĩa quân lại phục kích các đơn vị tiếp tế của Hăng-ri-mét-tơ-rơ từ Krache tới. Sau những chiến thắng đó, thanh thế của nghĩa quân ngày càng lớn mạnh. N'Trang Lơng lấy núi Nam Nung ở phía Nam Đakmin làm căn cứ hoạt động.

Năm 1914, tiếp tục phát huy thế chủ động N'Trang Lơng chỉ huy nghĩa quân tiêu diệt đồn Bu-mê-ra. Tên Đại úy đồn trưởng Hăng-ri-mét-tơ-rơ là kẻ có nhiều nợ máu với đồng bào dân tộc. Chính hắn đã hãm hiếp, giết cả vợ và con của N'Trang Lơng. Đồn được xây dựng kiên cố với hai trung đội lính ngự được trang bị đầy đủ vũ khí nên N'Trang Lơng phải dùng kế trá hàng. Ông cho hai chỉ huy thân tín của ông là N'Ông Leng và R'Đing dẫn một số nghĩa quân ra trá hàng.

Ngày 2/4/1914, lễ đầu thú được tổ chức long trọng tại Bu No - một địa điểm cách đồn Bu-mê-ra hơn nửa ngày đường. Nghĩa quân kéo về dự rất đông. Lợi dụng việc bọn Pháp không



biết mặt mình, N'Trang Lơng trà trộn vào số thủ lĩnh ra “đầu thú”, chờ có cơ hội thuận tiện sẽ nhanh chóng tiêu diệt Hăng-ri-mét-tơ-rơ cùng bọn lính đi theo. Sau đó sẽ tập kích đồn Bu-mê-ra, tiêu diệt số lính còn lại. Về phía Hăng-ri-mét-tơ-rơ cũng tới địa điểm làm lễ “đầu thú” cùng với 40 lính súng ống oai vệ.

Cuộc lễ “Đầu thú” được tiến hành vào lúc xế chiều. Theo phong tục của đồng bào thì khi đình chiến hoặc liên minh quân sự với nhau, vũ khí của hai bên đều phải mang ra tế thần để cầu thần chứng giám. Giáo, mác, cung, nỏ của nghĩa quân cùng tất cả súng ống của giặc đều bó lại và chắt thành đồng. Hăng-ri-mét-tơ-rơ cũng phải cởi cây súng ngắn và đặt trên sàn nhà bên cạnh các cây kiếm của thủ lĩnh nghĩa quân. Giữa lúc đang “làm phép vũ khí”, N'Trang Lơng cho đến lúc này vẫn ngồi trước mặt Hăng-ri-mét-tơ-rơ mà hắn không biết vì được giới thiệu là một “Đầu làng”. Nhanh như chớp, N'Trang Lơng chồm lên đâm chết Hăng-ri-mét-tơ-rơ. Sau khi tiêu diệt xong bọn lính Pháp, nghĩa quân dùng kế nghi binh tiêu diệt đồn Bu-mê-ra.

Sau thất bại cay đắng ở Bu-mê-ra, thực dân Pháp dồn hết lực lượng quân sự truy lùng ráo riết hòng bắt sống N'Trang Lơng. Trong hoàn cảnh đó, để bảo vệ thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa, N'Trang Lơng cùng bộ tham mưu của ông tạm lánh sang vùng phía Tây Di Linh (thuộc tỉnh Lâm Đồng ngày nay) hoạt động bí mật, chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài. Chính trong thời gian đó, Bu Luk Amprak vốn là người chủ làng người Mnông ở lưu vực sông Đak Huýt, một tướng lĩnh tài giỏi được N'Trang Lơng giao cho việc lãnh đạo đồng bào Stiêng, Mnông trên địa bàn rộng lớn thuộc toàn bộ vùng đất tỉnh Bình Phước ngày nay.

Mặc dù bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội nhưng phong trào đấu tranh của các dân tộc ít người ở vùng Bà Rá, Hớn Quản, vẫn tồn tại. Năm 1925, thực dân Pháp mở con đường 14 nối liền Sài Gòn với Đắc Lắc đến miền biển Trung Kỳ.

Đồng bào dân tộc quanh vùng bị đẩy vào tình cảnh vô

cùng khốn khổ: thanh niên và người khỏe mạnh bị bắt đi làm phu cho Pháp, nhà cửa bị phá, dân phải bỏ đi ở nơi khác xa nguồn nước, nương rẫy đang mùa thu hoạch cũng không gặt hái được ... Căm phẫn trước hành động tước đoạt tàn ác của giặc, đồng bào các dân tộc đã chống lại lệnh của tên quận trưởng, tổ chức lực lượng nghĩa quân do ông Rít Đình, tướng lĩnh của Nơ Trang Lơng chặn đánh một số lính đi thúc ép đồng bào. Đỉnh cao của sự căm thù thể hiện ở chỗ tên quận trưởng Gatille đã bị nghĩa quân và đồng bào ở Bù Đốp, tổ chức phục kích tiêu diệt. Thực dân Pháp đàn áp dã man những cuộc đấu tranh của nhân dân không vì thế mà bị dập tắt, khiến cho việc làm con đường này có lúc bị ngưng trệ. Tên Mo-ri-e về thay làm quận trưởng Bà Rá vẫn theo phong cách thực dân, kẻ cướp. Đồng bào dân tộc lại tiếp tục đấu tranh tìm cách tiêu diệt hắn.

Tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của nghĩa quân và đồng bào các dân tộc vùng Hớn Quảng, Bà Rá là niềm tự hào của nhân dân Bình Phước. Truyền thống đó tiếp tục được phát huy trong những năm dài theo Đảng đấu tranh cách mạng và kháng chiến, để giành lại độc lập tự do cho dân tộc.

## ***2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su:***

Trong lịch sử, giai cấp công nhân nói chung và đội ngũ công nhân cao su nói riêng, luôn bị bóc lột áp bức hết sức nặng nề. Trước sự áp bức và bóc lột tàn bạo của bọn chủ đồn điền và bọn tay chân của chúng, người công nhân không có con đường nào khác là phải đứng lên đấu tranh chống lại để bảo vệ quyền sống của mình.

Trong thời kỳ đầu do chưa có sự giác ngộ về giai cấp, chưa có nhận thức đúng đắn về phương hướng và mục tiêu đấu tranh nên những cuộc đấu tranh của công nhân cao su đều là những cuộc đấu tranh tự phát nhằm thay đổi phần nào hoặc giải thoát khỏi cuộc sống đau khổ, tủi nhục. Những hình thức phản kháng tự phát khá phổ biến lúc bấy giờ là bỏ trốn, tự tử, nổi dậy giết xu cai độc ác, chém Tây, lẩn công, hạ triệt cây trồng...



Bỏ trốn là một kiểu phản ứng thường thấy của những người phu trong giai đoạn đầu mới thành lập đồn điền.

Nhưng trong số những người đi trốn, số trốn thoát rất ít. Đa số gặp phải những số phận bi thảm: hoặc làm mồi cho thú dữ, hoặc bị những người dân tộc thiểu số lầm lạc bị Tây mua chuộc bắt đem về nộp cho Tây lĩnh thưởng, hoặc bị bọn lính đồn bắt lại trừng phạt, hành hạ đến máu đổ, thịt rơi như trường hợp 7 người phu trốn bị lính bắt lại ở đồn điền Phú Riềng mà Trần Tử Bình đã kể lại trong “Phú Riềng Đỏ”: “Thằng chủ hạ lệnh cho lính mang giày đinh đá vào người, bắt dẫn người xuống đất, cho lính giẫm giày đinh lên lồng ngực, người đứng ngoài nghe thấy tiếng xương gãy kêu rau rầu. Giẫm giày đinh xong, chúng còn đánh tiếp một trận gậy “thừa sống thiếu chết” nữa rồi bỏ vào nhà tối cùm lại. Một tuần sau, nhân có chuyện phạt cùm một công nhân khác, chúng mở cửa nhà tối ra thì 7 người bữa đó đã chết hết, chân vẫn còn tra chéo trong cùm”.

Đối với hình thức đấu tranh này của công nhân cao su,



*Cuộc khởi nghĩa của 300 nghĩa binh đồng bào S'tiêng - M'ông ở đồn Bù Đốp ngày 2.4.1934 (tranh sơn dầu).*

trở ngại lớn nhất là số đồng bào dân tộc thiểu số bị bọn chủ tư bản đồn điền Pháp vừa dọa dẫm, vừa dụ dỗ theo chúng để lũng bắt những công nhân chạy trốn. Một số người vì sợ, một số người bị lừa mị, mua chuộc nên làm theo lời chúng. Kết quả là một số công nhân đồn điền cao su thoát khỏi bọn xu, bọn lính khố xanh nhưng lại không thoát khỏi tay một số người Thượng bị lầm lạc. Do đó, muốn chạy trốn được, anh em công nhân phải phá vỡ được âm mưu chia rẽ dân tộc bằng cách cảm hóa và xây dựng tình thương yêu đoàn kết với đồng bào dân tộc thiểu số. Nhất là phải làm cho họ thấy được người Kinh, người dân tộc thiểu số tuy cảnh ngộ khác nhau nhưng đều là bạn, là anh em ruột thịt và đều có kẻ thù chung là thực dân Pháp. Trong quá trình đấu tranh tự phát chống bọn chủ tư bản đồn điền, công nhân cao su đã dần dần làm thất bại âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp. Số công nhân chạy trốn và thoát được ngày càng tăng.

Do số phu đồn điền bỏ trốn ngày càng nhiều nên năm 1927, thực dân Pháp phải thành lập “Sở những người kiểm soát lao động” (Service des controleurs de travail) với quyền hạn đặc biệt để bắt lại những công nhân chạy trốn. Do đó, từ những năm 1928, 1929 chúng bắt được nhiều người bỏ trốn hơn những năm trước.

Tự tử cũng là hình thức phản kháng tự phát mang tính tiêu cực ở thời kỳ đầu. Do cuộc sống nô lệ đen tối và đầy bi thảm, không có lối thoát, không hy vọng tha thiết gì với tương lai, công nhân đồn điền cao su đã dùng cách tự sát để chấm dứt nỗi khổ cực của mình. Cũng có người tự sát vì bị ô nhục, tinh thần bị tổn thương, phẩm giá bị nhơ nhuốc. Những trường hợp tự tử như vậy không phải là ít ở các đồn điền cao su trong những ngày đầu khi chưa có cách mạng dẫn dắt con đường đấu tranh.

Nguyễn Mạnh Hồng, một công nhân cao su kỳ cựu từ năm 1930 ở đồn điền Phú Riềng nói về tình hình tự tử của phu đồn điền như sau:

“Tự sát thì nhiều vì con đường đánh Tây để về Bắc rất

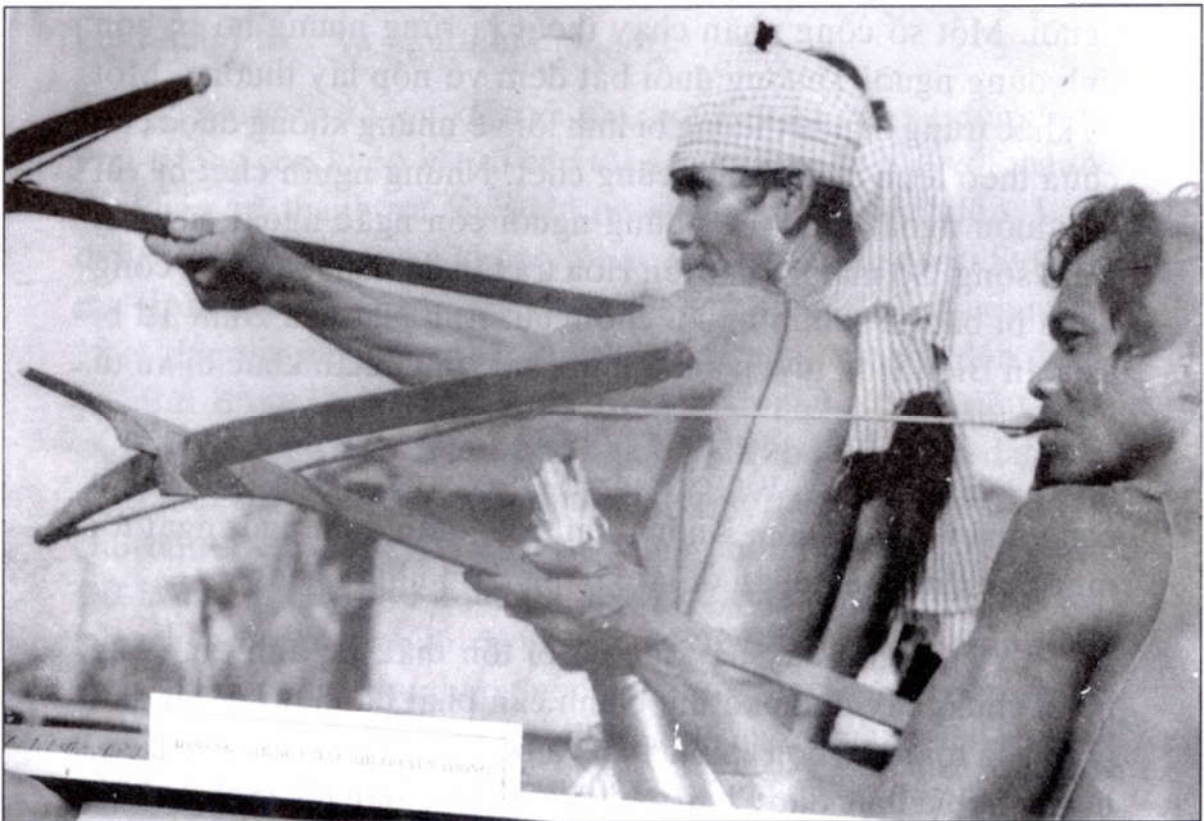


khó nên người đau ốm chỉ giải quyết bằng cách tự sát: tự sát trong nhà, tự sát ở suối nước. Từ nhà ra rừng cao su lúc nào cũng có mùi hôi thối của người tự sát treo cổ”⁽⁴⁾

Trong cuốn hồi ký “Phú Riềng Đỏ”, Trần Tử Bình cũng nói: “Công nhân thì quá cực đến nỗi có người ra rừng mượn sợi dây treo cổ lên cành cây cho thoát nợ”.

Nổi dậy chém cai xu ác ôn và Tây là hình thức phản kháng quyết liệt nhất trong thời kỳ đầu. Uất ức đến cùng cực, lại cảm thấy không còn con đường sống nào khác, một số công nhân cao su đã chọn một hình thức phản kháng quyết liệt là vùng dậy chém bọn chủ Tây độc ác.

Tiêu biểu nhất là tháng 10/1927, anh Nguyễn Đình Tư cầm đầu 120 công nhân làng 2 đồn điền cao su Phú Riềng nổi dậy chém chết tên Mông-tây (Monteil) thời tên chủ sở Tri-e (Triai) thống trị. Thường xuyên chứng kiến cảnh công nhân bị đánh đập tàn nhẫn và hành động dâm dăng của bọn xu, sếp,



“Đội quân Cung tên” của đồng bào S’tiêng.

nhất là tên Mông-tây, anh Nguyễn Đình Tư cùng một số anh em công nhân đồng tâm căt huyết ăn thù sẽ trả thù bọn Tây mà đối tượng đầu tiên là tên Mông-tây tàn ác khét tiếng.

Vào một buổi sáng điểm danh như thường lệ, lợi dụng lúc Mông-tây đang mải mê hạch sách, nạt nộ công nhân, anh Nguyễn Đình Tư đột ngột đứng lên vung cao lưỡi búa nguyệt bổ xuống người hắn. Tiếp theo là hàng loạt lưỡi búa chứa chất căm hờn của công nhân làng 2 bổ tới tấp vào người tên ác ôn. Mặc dù bị tấn công bất ngờ và bị thương nặng hắn vẫn cố chạy về buồng riêng lấy súng nhưng mới tới chân cầu thang Mông-tây đã bị 9 nhát búa vào thân thể. Nhát búa cuối cùng bửa một nửa mặt của hắn. Những tên cai khác bị anh em công nhân dùng dao, cuốc, rựa đuổi chạy tán loạn.

Cuộc nổi dậy đã đạt được mục tiêu, Mông -Tây bị giết chết nhưng ngay sau đó anh em công nhân bị đàn áp khốc liệt. Tên Tri-e chủ sở huy động lính vây tròn bốn phía, bắt đi khoảng 40-50 công nhân, đích thân Tri-e giương súng bắn chết một số người. Một số công nhân chạy thoát ra rừng nhưng họ bị bọn lính dùng người Thượng đuổi bắt đem về nộp lấy thưởng. Một số khác trúng đạn bị thương bị lính lôi về nhưng không được cứu chữa theo lệnh chủ sở nên cũng chết. Những người chết bị vùi xác luôn ngoài rừng, cả những người còn ngắc ngoải cũng bị chôn sống. Sở mật thám Biên Hòa tra tấn dã man tất cả số công nhân bị bắt để tìm ra người chủ mưu. Anh Nguyễn Đình Tư bị Tòa án Biên Hòa tuyên án tử hình, hai công nhân khác bị xử tù chung thân.

Sau vụ này, tên chủ nhát Tri-e càng khùng bố đàn áp công nhân dữ dội hơn. Không khí trong đồn điền ngột ngạt tới mức anh em công nhân đi lại không dám nhìn ngang.

Cuộc nổi dậy này tuy có bị tổn thất, do anh em công nhân chưa thấy được kẻ thù chính cần phải đánh đổ để tự giải phóng là toàn thể bọn chủ tư bản và bè lũ tay sai trong đồn điền, là chủ nghĩa thực dân Pháp đang nô dịch cả dân tộc. Song, cuộc nổi dậy này đã tạo ra tiếng vang rất lớn. Báo chí tiếng Việt,



tiếng Pháp xuất bản tại Sài Gòn đều đăng lại sự việc này.

Kiện ra tòa và tố cáo tội ác của bọn chủ đồn điền cũng là một hình thức phản kháng tự phát của công nhân cao su trong thời kỳ đầu khi chưa có Đảng lãnh đạo. Tiêu biểu là vụ kiện ra tòa tên Va-lăng-tanh (Valentin) đánh chết anh Nguyễn Văn Chánh ở đồn điền cao su Phú Riềng vào cuối năm 1927⁽⁵⁾.

Căm phẫn trước hành động tàn ác của Va-lăng-tanh, một số công nhân tiến bộ đã vận động mọi người cùng vợ anh Chánh làm đơn kiện ra tòa án Biên Hòa. Chiếu theo đơn kiện, Tòa án Biên Hòa về đồn điền lấy khẩu cung và khám nghiệm tử thi nhưng bọn chủ sở đã đút lót mọi cửa để chạy tội cho tên giết người. Vì vậy, kết quả xét xử thật chua chát. Tòa án Biên Hòa cho rằng Va-lăng-tanh chỉ phạm tội ngộ sát và bắt hấn bồi thường 5đ cho vợ anh Chánh. Điều đó làm cho công nhân vừa phẫn uất, vừa bi quan nhưng đây cũng là bài học lớn cho nhận thức của họ: không bao giờ có sự công bằng và bình đẳng giữa kẻ đi xâm lược và người bị thống trị.

Cùng với việc kiện ra tòa, công nhân cao su đồn điền Phú Riềng còn khéo léo tố cáo tội ác của bọn chủ sở với thanh tra Pháp và thanh tra Việt khi họ về thanh tra đồn điền. Lần đầu, công nhân cao su tố cáo tội ác của bọn chủ sở với Đờ-la-ma (Delamarre) - thanh tra lao động người Pháp vào cuối năm 1927; lần thứ hai công nhân tố cáo tội ác của bọn chủ đồn điền với Bùi Bằng Đoàn - thanh tra của Chính phủ Nam Triều vào cuối năm 1928. Cả hai lần, công nhân đều khéo léo dẫn dắt các viên thanh tra này tận mắt chứng kiến tội ác man rợ của bọn chủ đồn điền. Song việc tố cáo cũng không đem lại kết quả. Đờ-la-ma thu thập tư liệu, ăn nhậu chè chén, nhận quà đút lót của chủ sở rồi lặng lẽ ra về. Còn Bùi Bằng Đoàn, tính tình khảng khái, cũng thu thập được nhiều tư liệu nhưng chẳng làm được trò trống gì vì cả triều đình Huế đã quá yếu thế, chỉ còn là công cụ để bọn thực dân đế quốc sai khiến.

Trong các hình thức đấu tranh tự phát của công nhân cao su trước khi Đảng ra đời còn có hình thức lãn công, triệt hạ

cây. Hình thức đấu tranh này cũng giống hình thức đấu tranh phá hoại máy móc của công nhân công nghiệp phương Tây. Người công nhân trút căm thù lên tài sản của bọn chủ đồn điền. Hình thức đấu tranh này cũng gây ra cho bọn chủ đồn điền thiệt hại đáng kể về mặt kinh tế. Vì vậy chúng phải buộc thay đổi cách đối xử và phương thức bóc lột. Ở đồn điền Phú Riềng, khi Va-sê (Vachet) về thay cho Tri-e (Triai), vừa đặt chân đến đồn điền (1928) hắn đã tuyên bố: “Cấm Xu-vây-dăng đánh đập công nhân”. Va-sê còn bỏ tiền ra mua sắm quần áo, mũ mao, nhị trống cho công nhân lập phường chèo, phường nhạc cổ. Bằng cách đó, Va-sê cho rằng sẽ xoa dịu được công nhân để họ khỏi nổi loạn. Ngoài ra, Va-sê còn đặt ra chế độ khoán công việc nhưng lương vẫn cố định để hạn chế việc công nhân lãn công.

Như vậy, ngay trong những ngày đầu tư bản thực dân Pháp khai thác đồn điền cao su, công nhân đã đứng lên chống lại chế độ hà khắc, chống lại sự đối xử dã man, tàn bạo của bọn chủ tư bản đồn điền với nhiều hình thức, mức độ khác nhau. Các cuộc đấu tranh này thực chất là đấu tranh giai cấp nhưng nhìn chung mới là những phản kháng mang tính chất tự phát. Một vài hình thức đấu tranh còn mang tính chất tiêu cực, ý thức giác ngộ giai cấp chưa cao. Mặt khác, những cuộc đấu tranh này còn diễn ra lẻ tẻ ở nơi này, nơi khác, chưa kết hợp thành phong trào đấu tranh chung. Do vậy, hầu hết bị thất bại, trong nhiều trường hợp bị đàn áp đẫm máu. Tuy nhiên, qua những cuộc đấu tranh đầy máu và nước mắt thời kỳ này công nhân càng thương yêu, hiểu biết và gắn bó với nhau hơn. Nhận thức của họ về kẻ thù, về giai cấp ngày càng được nâng cao hơn, kinh nghiệm đấu tranh cũng ngày càng được tích lũy phong phú hơn.

Sau một thời kỳ đấu tranh dưới các hình thức tự phát chống lại chế độ hà khắc và sự dã man ở các đồn điền, cuối những năm 20 của thế kỷ XX, cùng với phong trào công nhân cả nước, phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở Bình Phước bắt đầu có những chuyển biến mới mang tính tự giác.



Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, sau là chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đồn điền Phú Riềng, công nhân cao su Bình Phước bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác; ý thức giai cấp và phong trào đấu tranh của công nhân cao su có những bước trưởng thành vượt bậc, góp phần to lớn vào phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước.



*Đồng chí Trần Tử Bình - Bí thư chi bộ đồn điền Phú Riềng 1930 - Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam.*

* *  
*

Từ khi thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, đồng bào các dân tộc thiểu số đã anh dũng đứng lên đấu tranh chống lại sự cướp đoạt trắng trợn và tàn bạo của bọn tư bản thực dân. Các cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số làm cho tư bản thực dân Pháp phải mất nhiều năm mới thành lập được các đồn điền cao su và dựng lên tầng lớp tay sai thân Pháp để đàn áp nhân dân.

Cùng với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, các đồn điền cao su được thành lập và đội ngũ công nhân cao su ra đời. Khi chưa có Đảng lãnh đạo, công nhân cao su phải chịu bao cảnh cơ cực lầm than do sự bóc lột tàn khốc của tư bản đồn điền Pháp. Không cam chịu kiếp sống nô lệ, buổi đầu công nhân cao su phản ứng chống lại bọn chủ tư bản Pháp nhưng chỉ là những cuộc đấu tranh tự phát, đơn lẻ nên không đem lại kết quả. Trái lại, bọn chủ tư bản đồn điền kết hợp với bộ máy thống trị thực dân đàn áp công nhân vô cùng dã man. Cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số và công nhân cao su cực kỳ đen tối tưởng như không có đường ra.

Khi chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sau

đó là chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời ở đồn điền Phú Riềng đã tạo một luồng sinh khí mới cho phong trào cách mạng của nhân dân. Chi bộ cộng sản ở đồn điền Phú Riềng là một trong những chi bộ ra đời sớm nhất ở miền Đông Nam bộ. Đó là kết quả quá trình đấu tranh anh dũng của đồng bào các dân tộc thiểu số và công nhân cao su, là kết quả của quá trình tuyên truyền vận động, xây dựng tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Đông Dương Cộng sản Đảng. Với truyền thống anh dũng quật cường, vùng đất Bình Phước chính là nơi ươm trồng những hạt giống cách mạng của Đảng. Từ khi có chi bộ cộng sản, công nhân cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số được tuyên truyền giác ngộ và tổ chức lại. Họ đã nhận rõ bản chất, bộ mặt thật của kẻ thù tư bản thực dân, từng bước giác ngộ giai cấp và nhận thức phương pháp đấu tranh cách mạng đúng đắn theo con đường của chủ nghĩa Mác-lênin. Chính vì vậy, phong trào đấu tranh của công nhân cao su và đồng bào các dân tộc thiểu số trong những năm 1928-1930 đã chuyển dần từ tự phát sang tự giác. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân bước vào giai đoạn mới: đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.



# **PHẦN I**

## **ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN BÌNH PHƯỚC ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)**

### **CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CỦA CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TỪ (1930 - 1935)**

#### **I. CHI BỘ CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO CUỘC ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU PHÚ RIỀNG:**

Tháng 6/1925, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời ở Quảng Châu – Trung Quốc, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập và lãnh đạo. Đây là tổ chức tiền thân chuẩn bị cho sự ra đời một Đảng Mác-xít ở Việt Nam. Nhiều hội viên sau khi học tập huấn luyện ở đây đã trở về nước hoạt động.

Năm 1927, Kỳ bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ được thành lập. Năm 1928 thực hiện chủ trương “Vô sản hóa”, nhiều hội viên của Kỳ bộ đã đi vào làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền miền Đông Nam Kỳ để tuyên truyền vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng tự rèn luyện lập trường quan điểm giai cấp công nhân. Một trong những hội viên tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (tức Nguyễn Văn Vĩnh) được cử đi “Vô sản hóa” ở đồn điền cao su Phú Riềng. Đồng chí Cừ quê ở Bắc Ninh, học sinh trường Bưởi Hà Nội, có bằng tú tài, nói tiếng Pháp thông thạo sớm giác ngộ cách mạng, đến “Vô sản hóa” ở cao su Phú Riềng vào khoảng đầu năm 1928.

Làm công nhân ở Phú Riềng, anh hoạt động rất thận

trọng khi thâm nhập vào công nhân. Trước khi tuyên truyền cho ai thì điều tra, nghiên cứu kỹ người ấy rồi mới tiếp xúc. Anh tuyên truyền cho họ những kinh nghiệm thành công và thất bại, cũng như phương pháp đấu tranh cụ thể, chỉ ra cho họ thế nào là một cuộc đấu tranh có tổ chức, phải đề ra khẩu hiệu, yêu sách đấu tranh, phải lập ban lãnh đạo, phải có tổ chức bảo hộ, phải tích trữ lương thực, Anh kể cho họ nghe về đất nước Xô Viết, về phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân thế giới... Quan trọng hơn cả là anh thường giảng giải kỹ vấn đề lý luận cách mạng có quan hệ trọng đại đến phong trào cách mạng như thế nào và nêu lên những phương pháp đấu tranh mới. Những vấn đề đó hoàn toàn mới mẻ đối với những người công nhân ở đây, có tác dụng lớn đối với phong trào công nhân Phú Riềng. Người đầu tiên anh tìm đến liên lạc là Trần Tử Bình lúc đó đang làm công nhân quét dọn, giặt giũ ở trạm xá, người nổi tiếng trong các trận đấu tranh trước đây. Và nhiều công nhân dần dần nảy sinh tình cảm đối với cách mạng và ít lâu sau họ xin vào tổ chức. Ngoài ra, một mặt tuyên truyền cho công nhân, mặt khác vẫn liên hệ chặt chẽ với đồng chí Ngô Gia Tự, đại diện cho Đông Dương Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ (lúc đó ở Sài Gòn – Chợ Lớn) báo cáo cụ thể tình hình công nhân ở Phú Riềng và nhận sự chỉ đạo sâu sát hơn.

Sau một thời gian tuyên truyền, phát triển hội viên, tháng 4/1928, chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, đồn điền Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng Tạ và Hòa, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản đầu tiên, đã lãnh đạo công nhân Phú Riềng cho đến cuối tháng 10/1929.

Ngày 20/10/1929, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên một cuộc đình công lớn với 2.000 công nhân tham gia nổ ra ở Phú Riềng. Đây là cuộc đình công đông đảo nhất so với những năm trước. Anh em cử đại diện lên gặp tên chủ sở Xu-ma-nhắc (Soumagnac) đưa các yêu sách đòi tăng lương, chống đánh đập, không ăn gạo ẩm, gạo mục, nữ



công nhân nghỉ để được hưởng lương.. Đầu tiên, tên chủ sở cho lính đến đàn áp và bắt một số công nhân đánh đập dã man. Anh em công nhân kiên trì đấu tranh không mạnh động, buộc chủ chấp nhận giải quyết các yêu sách. Thắng lợi này đã cổ vũ phong trào công nhân địa phương trong bối cảnh các tổ chức cộng sản đang hình thành trên cả nước.

Sau khi được thành lập, khoảng tháng 8/1929 Trung ương lâm thời Cộng sản Đảng ở Bắc Kỳ cử đồng chí Ngô Gia Tự và một số đồng chí khác vào Sài Gòn xây dựng 3 cơ sở trọng yếu Đảng ở 3 nơi trên đất Nam Kỳ, đó là Vĩnh Kim (Mỹ Tho), Ba Son (Sài Gòn) và Phú Riềng. Sau một thời gian ở Sài Gòn, đồng chí Ngô Gia Tự liên lạc được với đồng chí Nguyễn Xuân Cừ ở Phú Riềng. Lúc này đồng chí Cừ bên trong là Bí thư chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Phú Riềng, bên ngoài lại là thư ký cho tên Lơ Bông-Su-Vây-Lăng ở làng 3, nên chủ sở cấp giấy đi lại tự do, nhờ vậy đồng chí Cừ đi lại nhiều lần lên Sài Gòn-Chợ Lớn, lấy cớ đi thăm họ hàng, nhưng thực chất là đi làm cách mạng.

Thực hiện chủ trương phát triển tổ chức Đảng của Trung ương lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng, đồng chí Ngô Gia Tự đã chỉ đạo cho đồng chí Nguyễn Xuân Cừ thành lập chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Phú Riềng. Vào đêm 28/10/1929, tại bờ suối khu rừng sau lưng làng 3, chi bộ cao su Phú riềng được thành lập có 6 đảng viên gồm: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Tạ, Hồng, Hòa và Doanh, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ được cử làm bí thư chi bộ. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Bình Phước và đồng thời là chi bộ đầu tiên của ngành cao su Việt Nam.

Sau khi thành lập, chi bộ phân công các đồng chí đảng viên phụ trách các mặt công tác: Đ/c Trần Tử Bình phụ trách tổ thanh niên xích vệ đội, đ/c Tạ phụ trách làng số 2, đ/c Hồng phụ trách nghiệp đoàn, đ/c Doanh phụ trách làng số 3, đồng chí Hòa cùng làm ở gara ô tô giúp đồng chí Hồng trong công tác vận động công nhân lái xe và cơ khí ở đó. Các đảng viên trong chi bộ khẩn trương bước vào cuộc chiến đấu mới, nhằm đáp ứng

yêu cầu của phong trào công nhân đồng thời nhằm đối phó lại những âm mưu và hành động nham hiểm của kẻ thù.

Các đảng viên được học tập về chủ trương của Đảng, trong đó có các vấn đề đem lại ruộng đất cho dân cày, công nhân phải tiến lên giành lại nhà máy, đồn điền và giải phóng dân tộc, được đọc báo “Thanh niên giải phóng” của Đông Dương Cộng sản Đảng, báo “Nhân đạo” của Đảng Cộng sản Pháp.

Về phương hướng, chỉ bộ chủ trương đi ngay vào việc tổ chức đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thực như tăng lương, cải thiện chỗ ăn, chỗ ở, điều kiện sinh hoạt văn hóa tinh thần, đấu tranh không được cúp phạt, đánh đập...

Trên cơ sở nghiệp đoàn công nhân, đã được thành lập tháng 6/1928, đến lúc này chỉ bộ chú ý xây dựng một nghiệp đoàn bí mật, đông đảo và vững mạnh hơn. Nghiệp đoàn do đồng chí Hồng, một đảng viên trực tiếp làm thư ký. Tháng 11/1929, đồng chí Hồng đã tổ chức thành công cuộc đấu tranh đưa yêu sách cho bọn cai quản xưởng cơ khí đòi tăng lương, chống đánh đập, trợ cấp cho phụ nữ hậu sản... Công nhân tham gia nghiệp đoàn rất đông, mọi chủ trương của chỉ bộ thông qua nghiệp đoàn vận động đều được công nhân ủng hộ. Chính nhờ tổ chức này, mà chỉ bộ Phú Riềng chưa đến 10 đảng viên vẫn đủ sức lãnh đạo các cuộc đấu tranh từ nhỏ đến lớn.

Nghiệp đoàn còn ra tờ “Giải thoát” nhằm tuyên truyền giáo dục ý thức cách mạng, hướng dẫn công nhân đấu tranh theo đường lối của Đảng, in bí mật phân phát cho công nhân chuyền tay nhau xem. Nội dung, viết sát với tình hình, phê phán những thói hư tật xấu trong công nhân do chế độ thực dân gây ra, nêu kinh nghiệm đấu tranh công nhân các nơi, nêu lên đạo đức mới của công nhân, thông tin hoạt động nghiệp đoàn ở các đồn điền, thời sự, chính trị quốc tế... Tờ “Giải thoát” được đồng chí Ngô Gia Tự thường xuyên theo dõi và chỉ dẫn. Đây là tờ báo đầu tiên của công nhân ngành cao su Việt Nam. Tác dụng của tờ báo cơ sở, cùng với tác dụng của những tờ báo, tài liệu do cấp trên chuyển đến và sự hoạt động của các đảng viên cộng



sản, các cán bộ nghiệp đoàn, tất cả đã góp phần nâng cao sự giác ngộ của giai cấp công nhân và chỉ cho họ biết cách đấu tranh giành thắng lợi.

Ngoài tổ chức nghiệp đoàn, chi bộ còn có một đội thanh niên xích vệ rất mạnh, do đồng chí Trần Tử Bình phụ trách. Mỗi làng chi bộ tổ chức một tiểu đội gồm 40 thanh niên công nhân vũ trang bằng nhiều thứ vũ khí tự tạo. Tổ chức này có nhiệm vụ bảo vệ chi bộ, bảo vệ công nhân trong các cuộc đấu tranh, lúc bình thường thì canh gác xóm làng. Đội vũ trang này đã phát huy tác dụng rất tốt trong cuộc nổi dậy “Phú Riềng Đỏ” vào tháng 2/1930.

Chi bộ Phú Riềng rất chú trọng công tác bồi dưỡng phát triển đảng viên mới. Đêm ngày 7/11/1929, chi bộ bí mật tổ chức kỷ niệm Cách mạng tháng 10 Nga và kết nạp đảng viên mới là đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng. Ngoài ra còn góp phần vào việc đào tạo các “hạt giống đỏ” cho các đồn điền khác. Đến cuối năm 1929 đồng chí Nguyễn Xuân Cừ bí thư chi bộ bị Pháp trục xuất, vì nghị vấn làm chính trị, đồng chí phải thôi việc về Sài Gòn hoạt động bất hợp pháp. Bí thư chi bộ giao lại cho đồng chí Trần Tử Bình thay thế và tiếp tục thực hiện cuộc đấu tranh trong tình hình mới.

Ngày 31/1/1930, chi bộ phát động một cuộc đấu tranh lớn được tuyệt đại đa số anh em công nhân ủng hộ. Mục đích của cuộc đấu tranh này là đòi quyền lợi kinh tế cho nhiều đối tượng. Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh, đêm 28 tết (tức ngày 27/1/1930) Ban chấp hành nghiệp đoàn cao su theo chỉ thị của chi bộ cộng sản đã mở Hội nghị Đại biểu công nhân của 5 trong số 10 làng công nhân, thảo luận nhiều lần ở trong rừng, nhất trí với các yêu sách: cấm đánh đập, cấm cúp phạt lương, miễn sưu thuế, trả lương cho công nhân nghỉ đẻ, bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động, trả về quê cũ những người hết hạn giao kèo, trả tự do cho những người bị bắt... đồng thời kiểm tra lại tình hình chuẩn bị, thống nhất yêu sách đề ra, thống nhất đánh đồn thị uy ra quân bằng hình thức chúc tết chủ sở sảng mồng 1 tết.

Vào sáng mồng 1 tết Canh Ngọ (tức ngày 30/1/1930), công nhân mở đầu cuộc đấu tranh bằng “đòn thị uy ra quân”, công nhân lợi dụng việc chúc tết, đưa các yêu sách lên chủ sở, nhưng không được trả lời. Trước tình hình đó, các đảng viên và cán bộ nghiệp đoàn tăng cường tuyên truyền, giải thích cho công nhân hiểu rõ vì sao họ bị cực khổ, đồng thời kêu gọi anh em đồng tâm hiệp lực kiên trì đấu tranh đòi cho được quyền lợi, không nản chí ngã lòng. Được đông đảo công nhân tỏ thái độ đồng tình, chi bộ quyết định tiến tới bãi công sau 3 ngày tết.

Ban chấp hành nghiệp đoàn, được sự chỉ đạo của chi bộ đã bí mật thông báo cho công nhân ở đâu cứ ở đó, đến bao giờ bọn chủ giải quyết những yêu sách của mình, Ban chấp hành nghiệp đoàn thông báo cho anh em đi làm.

Ngày 3/2/1930 (mồng 5 tết), là ngày làm việc trở lại sau nghỉ tết, 5.000 công nhân thực hiện tổng bãi công.

Về phía chủ sở, thấy hết hạn nghỉ mà toàn thể phu thợ không ai đi làm. Chúng ra lệnh cho bọn cai, lính đến thúc ép nhiều người 3 làng đi làm việc, còn 7 làng khác thì bất động cho nên bị đàn áp. Tên cai Tây Đờ Cát-ly đánh chết anh Cảo ở làng 9, bắt giam anh cai Lự... lập tức bị công nhân phản kháng, đánh đuổi và sau đó đưa đơn kiện lên chủ sở.

Nhạy bén với sự kiện nóng bỏng vừa xảy ra, chi bộ giao cho nghiệp đoàn phát động biến căm thù thành một cuộc thị uy trực diện với chủ sở và đưa những yêu sách mới phải bồi thường tính mạng anh Cảo, trả tự do cho cai Lự, đuổi tên cai Tây giết người...đồng thời viết khẩu hiệu mới. “Chủ sở không chấp nhận yêu sách, quyết không đi làm”, khiến cho mọi công nhân đồng tình ủng hộ.

Sáng ngày 4/2, nghiệp đoàn tổ chức một cuộc biểu tình lớn bao gồm công nhân 10 làng tham gia, có các đội tự vệ hỗ trợ. Quận trưởng Mo-ri-e quận Bà Rá trực tiếp dẫn 25 lính khố đỏ đến đàn áp công nhân, khoảng 800 công nhân áp đảo làm chúng phải nhượng bộ, bỏ chạy. Ta bắt được 5 tên, thu 7 khẩu



súng, trang bị cho đội tự vệ. Họ hiên ngang kéo thẳng vào gặp chủ sở Xu-ma-nhắc. Chủ sở sợ quá phải mở cửa điều đình. Công nhân cử 2 đồng chí Hồng và Tà đưa yêu sách đã định từ trước. Tên chủ sở Xu-ma-nhắc sợ hãi chấp nhận không dám chần chừ. Biên bản được ký kết giữa chủ sở và công nhân, cam kết thực hiện những yêu sách của công nhân, là điều có một không hai ở Phú Riềng. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, tư bản đồn điền cao su Pháp ở Việt Nam ký vào biên bản chấp nhận yêu sách đấu tranh của công nhân.

Sau thắng lợi lớn của công nhân, đại diện Ban chấp hành nghiệp đoàn tuyên bố giải tán để ngày mai đi làm, nhưng chủ trương đúng đắn này không được chấp hành nghiêm chỉnh. Bởi vì anh em công nhân quá say sưa với chiến thắng, một số cán bộ nảy sinh ra tư tưởng manh động, trên đường về làng biểu dương lực lượng, hoạt động công khai. Diễn văn nghệ, luyện tập quân sự, diễn thuyết, bắn súng thị uy làm kích động tâm lý khởi nghĩa với hàng trăm người tham dự. Nhiều người trong đó có cán bộ nghiệp đoàn, đảng viên có tư tưởng bạo động giành chính quyền toàn đồn điền... bọn cai, lính hoang mang bỏ chạy, không dám chống cự. Tình hình đó làm cho anh em công nhân càng tưởng rằng ngày đấu tranh chiếm chính quyền ở Phú Riềng đã đến. Do đó, ở nhiều làng bà con công khai trưng cờ đỏ búa liềm, các tổ chức nghiệp đoàn, thanh niên tự vệ, chi bộ Đảng từ chỗ hoạt động bí mật chuyển ra hoạt động công khai. Công nhân làm chủ các làng và tại làng 3 trở thành trung tâm hoạt động công khai, họ tổ chức đi phá kho gạo, kho thực phẩm... lấy cho công nhân, còn lại đem vào rừng dự trữ, phòng khi cuộc đấu tranh kéo dài ngày vẫn có lương thực để sống.

Đến đây một vấn đề nóng bỏng đặt ra là cuộc đấu tranh sẽ được phát triển như thế nào và sẽ đi tới đâu! Một cuộc tranh luận diễn ra ở hội nghị chi bộ Đảng, có 2 ý kiến khác nhau. Một ý kiến đa số đồng tình ủng hộ, một ý kiến khác của đồng chí Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng và một số đảng viên không chấp nhận như vậy, họ đề nghị giải tán để bảo toàn lực lượng.

Trong lúc đang có nhiều ý kiến phân tán như vậy, Xứ

ủy Nam Kỳ đã cử đồng chí Nguyễn Xuân Cừ (lúc này ở Sài Gòn) đến Phú Riềng kịp thời chỉ đạo phải chuyển hướng đấu tranh. Đồng chí Cừ đã uốn nắn kịp thời lại tình hình và cùng chỉ bộ, cán bộ nghiệp đoàn thuyết phục công nhân chấp hành chủ trương của Đảng: trở về gia đình, phục hồi lao động, trả vũ khí cho chủ. Nhờ vậy làm tiền đề cho cuộc đấu tranh sau này khởi đầu máu.

Ngày 6/2/1930 chuẩn bị cho khởi nghĩa tự phát, trở thành biểu tình ngòi và kết thúc thắng lợi. Riêng tại làng 3 và làng 9, diễn ra nhiều tình huống căng thẳng giữa ta và đối phương.

Trong khi đó, tên Xu-ma-nhắc, chủ đồn điền Phú Riềng tìm biện pháp đối phó mạnh, một mặt chúng tập trung 10 nhân viên người Tây và một số cai, xếp lính người Việt có vũ khí để phòng thủ dinh cơ của hắn. Mặt khác báo điện về cho tỉnh trưởng Biên Hòa, Thống đốc Nam Kỳ ở Sài Gòn xin giải cứu nguy.

Nhận được điện báo của Xu-ma-nhắc, chính quyền thuộc địa ở Sài Gòn và Biên Hòa cấp tốc huy động một lực lượng lớn gồm có Thống đốc Nam Kỳ, Chánh mật thám Đông Dương, Công sứ Biên Hòa cùng 500 lính bộ binh, xe bọc thép, 3 máy bay đến uy hiếp tinh thần công nhân và sẵn sàng nổ súng. Nhưng chúng không thực hiện được ý đồ, vì ta chủ động đấu tranh ôn hòa, không có gì để chúng hành động, chúng chỉ dọa rằng cứ đi làm việc ngày mai thì được lãnh gạo, còn ai đình công thì bị phạt.

Tất cả công nhân đều ngồi chỉnh tề và có đại diện đứng ra đối đáp với chúng, rồi đưa yêu sách. Riêng làng 9, lúc đầu chánh mật thám hạ lệnh bắt 25 công nhân lên xe, ta đấu tranh quyết liệt chúng phải thả hết, rồi 2 bên tiếp tục đấu lý với nhau và kết thúc an toàn, bọn Pháp đành phải nhượng bộ và hứa sẽ giải quyết những yêu sách của công nhân.

Cuộc đấu tranh mở đầu ngày 30/1 và kết thúc ngày 6/2/1930 sau 8 ngày đấu tranh anh dũng “ Phú Riềng Đỏ ” giành



được thắng lợi to lớn, ảnh hưởng rộng rãi và để nhiều bài học sâu sắc. Cuộc bãi công ấy, đã làm rung chuyển cả hệ thống địa ngục cao su Đông Dương, làm chấn động dư luận báo chí trong nước và nước Pháp. Bài học quý báu nhất của cuộc đấu tranh là biết nổ ra đúng lúc giành thắng lợi và bảo toàn được lực lượng cách mạng, làm thất bại mưu đồ thâm sát của bọn thực dân Pháp.

Sự xuất hiện Phú Riềng Đỏ chứng tỏ một khi đấu tranh của công nhân có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng Cộng sản, thì phong trào sẽ phát huy được bản chất sáng tạo của lực lượng quần chúng, làm xuất hiện những nhân tố mới, khả năng mới để phát huy cách mạng. Qua đó, cũng chứng minh năng lực lãnh đạo, uy tín lãnh đạo của chi bộ Phú Riềng Đỏ; Đảng của giai cấp công nhân nói chung. ✕

## **II. ĐẤU TRANH CHỐNG KHỦNG BỐ TRẮNG, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG 1932- 1935:**

### ***1. Khủng bố trắng của thực dân Pháp sau năm 1930:***

Trước làn sóng cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi trong cả nước, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố những người cộng sản và cơ sở Đảng. Chúng thẳng tay đàn áp dã man những chiến sĩ cách mạng, nhiều cơ sở Đảng bị tan vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị chúng sát hại. Phong trào cách mạng trong tỉnh cũng như trong cả nước lâm vào tình thế khó khăn nghiêm trọng.

Trên phạm vi cả nước, chỉ trong 3 ngày tháng 5/1931, chúng bắt giam 246.532 người, kết án tử hình 8 người và kết án tù chung thân 98 người. Tại Sài Gòn tính đến năm 1935, chúng đã giết hại 833 người ⁽⁶⁾. Tháng 4/1931, đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú và hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng đều bị địch bắt, Xứ ủy Nam Kỳ cũng tan rã.

Từ năm 1932 đến tháng 5/1935 Xứ ủy Nam Kỳ 4 lần bị chúng đánh tan. Nhưng với truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, nhân dân cả nước vẫn bảo vệ những cơ sở

cách mạng vừa bị địch khủng bố. Các cơ sở cách mạng vẫn khéo léo tiếp tế cho các chiến sỹ cách mạng bị cầm tù và đấu tranh hợp pháp giữ vững quyền lợi kinh tế hàng ngày và giữ vững tấm lòng son sắt với cách mạng.

Tình hình trong tỉnh, phong trào cách mạng cũng gặp khó khăn vì hệ thống trạm kiểm soát, mạng lưới mật vụ, chỉ điểm thực dân Pháp hoạt động ráo riết. Ở Phú Riềng, sau cuộc đấu tranh tháng 2/1930, theo lệnh chánh mật thám Đông Dương, tên quận trưởng Mo-ri-e quận Bà Rá⁽⁷⁾, đưa 10 lính sen đầm và 120 nhân viên an ninh Việt gian tiến hành khủng bố những công nhân tham gia đấu tranh, chúng bắt đồng chí bí thư chi bộ, nhiều đảng viên cộng sản và hơn 100 công nhân, trong đó có nhiều thanh niên tự vệ và cán bộ nghiệp đoàn.

Sở dĩ có tổn thất lớn này là do ta chưa có kinh nghiệm hoạt động bí mật, do quá say sưa trong thắng lợi của những ngày nổ ra cuộc đấu tranh nên đa số các đồng chí trong chi bộ và Ban chấp hành nghiệp đoàn đều bị địch phát hiện. Những người bị bắt, bị đem về giam ở nhà tù Bà Rá, sau chuyển sang khám Biên Hòa. Ở hai nơi này, họ đều chịu nhiều tra tấn dã man, nhưng hầu hết đều giữ vững khí tiết, không chịu khai báo. Không những thế họ đều chuẩn bị tư tưởng và tư thế cho nhau, trước khi ra vành móng ngựa của toà án đế quốc.

Ở tòa án Biên Hòa, các đồng chí Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng, Tạ, Doanh... đấu lý với bọn quan tòa quyết liệt, đã dũng cảm vạch trần tội ác của chúng với những lý lẽ đanh thép, hùng hồn. Tư thế vững vàng bất khuất của họ đều tạo được tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và tầng lớp lao động ở Biên Hòa, nhất là công nhân nhà máy cửa BIF Biên Hòa, còn bọn quan tòa tuyên án vội vàng cho xong.

Đến tháng 5/1930, vụ án Phú Riềng lại tiếp tục đưa ra tòa án đại hình ở Sài Gòn. Được sự hậu thuẫn của công nhân và nhân dân Sài Gòn có mặt trong phiên tòa, cùng với sự khích lệ của phong trào đấu tranh sôi nổi kỷ niệm ngày Quốc tế Lao



động 1/5 trong cả nước, một lần nữa những người cộng sản và công nhân Phú Riềng với tư thế vững vàng đầy dũng khí làm cho mọi tầng lớp nhân dân Sài Gòn khâm phục. Tiếng vang Phú Riềng hòa nhập một cách nhanh chóng vào phong trào đấu tranh của công nhân Sài Gòn lúc ấy.

Âm mưu thâm độc của thực dân Pháp là muốn qua vụ xử án công khai này, để trực tiếp làm ô danh Đảng ta và ngăn chặn các cuộc nổi dậy của quần chúng cách mạng. Nhưng chúng đã bị thất bại, các đồng chí ta đã biến phiên tòa thành diễn đàn tố cáo tội ác của bọn thực dân ngay tại Sài Gòn- trung tâm chính trị, kinh tế của xứ Đông Dương lúc bấy giờ.

Cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp ở nước ta, diễn ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế của tư bản chủ nghĩa, đã ảnh hưởng trực tiếp đến Đông Dương. Vì vậy nhân dân Nam Bộ nói chung và nhân dân trong tỉnh nói riêng càng chịu những hậu quả rất nặng nề, bi thảm. Chúng tưởng rằng chính sách đàn áp đẫm máu có thể tiêu diệt được Đảng Cộng sản và dập tắt được phong trào cách mạng. Nhưng chúng đã lầm. Từ năm 1932 phong trào cách mạng bắt đầu được khôi phục trên phạm vi cả nước.

## ***2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su:***

Mở đầu cho sự khôi phục phong trào cách mạng ở Đông Nam Bộ là cuộc đấu tranh của phong trào công nhân đồn điền cao su Dầu Tiếng, vào giữa tháng 12/1932.

Cuộc đấu tranh vừa chấm dứt thì tháng 2/1933, Dầu Tiếng lại nổ ra một cuộc đấu tranh mới. Trước cuộc đấu tranh nổ ra liên tiếp, Thành ủy Sài Gòn đã cử đồng chí Văn Công Khai⁽⁸⁾ đến đây tổ chức Công Hội đỏ để làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh và chuẩn bị xây dựng chi bộ Đảng.

Những cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, Dầu Tiếng, đã ảnh hưởng sâu rộng trong các đồn điền cao su. Công nhân đồn điền Lộc Ninh - Đakia đã thấy rõ vai trò của mình

trong sự nghiệp đấu tranh giành quyền sống và giải phóng giai cấp. Từ đó, hướng theo ngọn cờ của Đảng đứng lên đấu tranh. Tháng 5/1935, hơn 500 công nhân thuộc các làng, Sở đồn điền Lộc Ninh - Đakia đã bãi công, biểu tình đòi chủ sở không được tự tiện giảm lương công nhân từ 46 xu/ ngày xuống 30 xu/ ngày, không được uy hiếp công nhân. Bọn chủ sở viện lý do là quyết định của Chính phủ bảo hộ nên chúng không chấp nhận yêu sách. Công nhân các đồn điền Lộc Ninh - Đakia, dưới sự lãnh đạo của ban tổ chức đấu tranh, kẻ cầm gậy, người cầm dao, giáo mác, ùn ùn kéo đến văn phòng chủ sở. Đoàn người lúc đầu 500 người, nhưng về sau đông gần gấp đôi, có cả công nhân người Thượng cầm xà gạc, cung tên, ná nỏ. Đoàn người đến điểm tập trung, mỗi người từng đợt đồng thanh hô khẩu hiệu: “không được giảm lương của công nhân”.

Đại diện công nhân gặp chủ sở đưa tận tay bản yêu sách, buộc chúng phải giải quyết ngay. Trước khí thế sôi sục của công nhân, chủ sở phải cử người nhận yêu sách của công nhân và xoa dịu rằng chờ nghiên cứu giải quyết. Cùng lúc đó, điều cấp tốc mấy chục quân lính, trang bị vũ khí đầy đủ đến đàn áp nổ súng một loạt thị uy công nhân. Cuộc đấu tranh diễn ra ác liệt, anh em công nhân, xông tới đánh nhau với bọn lính, bọn lính bắn vào đoàn biểu tình làm chết một công nhân và bắt gần 40 người. Nhưng trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, chủ sở buộc phải chấp nhận yêu sách, điều bọn lính đàn áp đi nơi khác và thả số công nhân vừa bị bắt.

Cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Lộc Ninh - Đakia đã giành được thắng lợi. Tối hôm đó anh em công nhân các làng tổ chức truy điệu, an táng công nhân đã hy sinh và tiếp tục chăm sóc những người bị thương.

Phối hợp với đấu tranh phản đối hạ lương, số anh em mãn hạn giao kèo cũng phát đơn đòi trả về quê quán cũ, kiên quyết không chịu tái đăng ký, Bọn chủ lúc đầu dùng thủ đoạn khuyên giải anh em ở lại làm thêm, nhưng không có kết quả, chúng phải chấp nhận cho 43 người trở về quê cũ.



Các cuộc đấu tranh của công nhân cao su các đồn điền, cùng phong trào cách mạng trong cả nước, đã ảnh hưởng đến công nhân cao su Hớn Quản (Bình Long). Khẩu hiệu đòi dân sinh dân chủ trong các đồn điền tiếp tục tăng lên buộc chúng phải giải quyết những yêu sách chính đáng của anh em. Mặc dù bị đàn áp, công nhân trong các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch thuộc Công ty Đất Đỏ, lần lượt nổi dậy đấu tranh mặt giáp mặt với chủ đồn điền, buộc chúng phải giải quyết yêu sách của công nhân như: không phát gạo mứt, cá thối, giảm lương của công nhân.

Thông qua các cuộc đấu tranh này, đội ngũ công nhân được củng cố, kinh nghiệm đấu tranh được tích lũy. Nhiều công nhân qua thử thách, đã trở thành những cán bộ ưu tú của Đảng. Từ sau 1933, dân công tra ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào đông, anh em công nhân cũ xiết chặt hàng ngũ với anh em dân phu mới đoàn kết đấu tranh, làm cho phong trào càng mạnh, trước sức mạnh đấu tranh của công nhân, bọn chủ của nhiều đồn điền ở Hớn Quản Lộc Ninh, Thuận Lợi. . . buộc phải hủy bỏ chế độ ăn chung, ở chung, phát gạo về nhà nấu ăn riêng. Có đồn điền đã bắt đầu mở trường dạy học cho một số con em công nhân.

### ***3. Phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc:***

Cùng chung số phận với công nhân, đồng bào các dân tộc ít người cư trú ở vùng Hớn Quản, Bà Rá (Bình Phước ngày nay), cũng chịu ách thống trị của bọn thực dân Pháp. Với truyền thống yêu nước, lòng căm ghét áp bức bất công và tác động mạnh mẽ các cuộc đấu tranh của công nhân Phú Riềng, Lộc Ninh, Hớn Quản ... Đồng bào dân tộc ít người, đã cùng đứng dậy tự tổ chức nhiều cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp. Trong đó, chú ý hơn cả là vụ giết tên quận trưởng Mo-ri-e quận Bà Rá tháng 10/1933 và cuộc đấu tranh của đồng bào dân tộc năm 1934 trên vùng đất Phước Long, Bù Đăng ngày nay.

Tên quận trưởng Mo-ri-e khét tiếng gian ác đối với công nhân và đồng bào dân tộc vùng Bà Rá. Hấn thi hành

nhiều chính sách thâm độc như lấy người Thượng trị dân Thượng, dùng người Kinh đàn áp người thiểu số, áp dụng lao dịch từ 5-6 tháng trong một năm, để bắt dân ở đây đi làm đường bộ, xây dựng đồn bót, làm phu cho các sở cao su... trong lúc đó, lương thực phải tự túc, mà gia cảnh luôn thiếu đói, bệnh đau không được thuốc trị nhiều người chết khi lao động quá sức. Hấn còn có những hành vi rất tàn bạo như bắt gái đẹp về hãm hiếp, bắt làm tôi tớ... Không chịu nổi những thủ đoạn tàn bạo đó, hai anh em Điều Môn và Điều Mốt vốn là nghĩa quân của phong trào Nơ Trang Lơng ở sóc Bù Xum, được dân tin cậy nhất, đứng ra vận động lập đội nghĩa quân và hợp cùng 200 dân trong các làng Bù Xum, Bù Kế, Bù Tó, Bù Tung... bàn mưu kế tiêu diệt quận trưởng Mo-ri-e.

Sau một thời gian xây dựng lực lượng và tìm hiểu kẻ địch, vào gần cuối tháng 10/1933, nghĩa quân phục kích trên đoạn đường 14 gần sóc Bù Xum (nay là xã Minh Hưng huyện Bù Đăng). Nghĩa quân chờ suốt hai ngày liền mà chúng không đến, mọi người bèn giải tán. Riêng hai ông Môn và Mốt vẫn kiên trì ở lại phục kích và còn vận động thêm vài người nữa như ông Nhim, ông Giang... cùng tham gia. Do nắm chắc quy luật, mỗi tuần tên quận trưởng Mo-ri-e cỡi ngựa cùng bọn lính từ Bà Rá sang đường 14 để kiểm soát làm đường của dân làm xấu. Đến ngày thứ 3 (25/10/1933) tên Mo-ri-e cùng với mấy tên lính hộ vệ lọt vào thế trận phục kích. Ông Điều Mốt giả vờ xin lửa hút thuốc rồi nhanh như chớp ông dùng xà gạt chém Mo-ri-e, kết liễu đời tên thực dân vấy máu đồng bào, sau đó rút lui an toàn.

Ngày hôm sau, thực dân Pháp tập trung càn quét bắn phá giữ đội vùng Bù Xum, bắn chết ông Nhim, ông Giáp. Trước cảnh đàn áp thảm khốc, đồng bào các dân tộc phải rút lui vào rừng sâu cấm chông ngăn địch đàn áp, lòng xục.

Đồng thời với cuộc nổi dậy giết chết tên cò Mo-ri-e, là phong trào đấu tranh vũ trang của đồng bào dân tộc nhằm mục tiêu diệt đồn Bù Có, đồn này lập năm 1933, do tên Gec-be làm



đồn trưởng. Nơi đây xuất phát quân đi càn quét, gây tội ác với các đồng bào buôn làng ở nhiều vùng như Lộc Ninh, Hớn Quản, Bà Rá và biên giới Việt Nam - Campuchia.

Cuộc tấn công nổ ra ngày 2/1/1934, với hơn 300 nghĩa quân người S'tiêng phần nhiều được trang bị cung tên tẩm thuốc độc, giáo mác, xà gạc một ít súng săn. Trước khi tấn công, những người chỉ huy đã tổ chức hạ cây cản đường chặn viện binh địch từ Bù Na, không cho xe tiếp viện. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, do kế hoạch thiếu chu đáo bị địch phát hiện và tấn công nên buộc nghĩa quân phải rút lui. Kết quả trận đánh tuy chỉ bắn chết và làm bị thương hai tên, nhưng làm cho địch khiếp vía, bỏ đồn Bù Có về co cụm ở Bù Đăng.

Sau trận này, các thủ lĩnh nghĩa quân ở Bù Đốp, Bà Rá và lưu vực sông Đồng Nai liên hệ với nhau khá chặt chẽ. Dựa vào thế hiểm trở của núi rừng với diện tích rộng lớn gần 3 ngàn km², nghĩa quân gần như làm chủ khu vực, địch tấn công nhiều lần, nhưng vẫn không kiểm soát được. Ngoài ra, đồng bào còn tổ chức cấm chông, bảo vệ buôn sóc, ngăn địch lòng sục. Phong trào này lan rộng từ vùng đồng bào S'tiêng đến các địa bàn cư trú lân cận của người M'ông, Mạ, Châu Ro, đến cả dân tộc ít người ở Tây Nguyên. Bên cạnh đó, đồng bào còn hết lòng dùm bọc, che chở cho một số công nhân, cán bộ trốn đồn điền, vượt ngục Bà Rá, Tà Lài... Cuộc chiến đấu kéo dài đến 1935, mới tạm ngưng khi ông Nơ Trang Lơng thủ lĩnh nghĩa quân Tây Nguyên bị địch bắt.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh của các dân tộc thiểu số đứng lên chống thực dân Pháp ở giai đoạn này, chỉ dừng lại ở mức độ tự phát. Các cuộc đấu tranh chỉ tập trung vào mục đích bảo vệ quyền tự chủ núi rừng chưa có ý thức sâu sắc về chính trị. Hơn nữa, lúc này lực lượng đảng viên Cộng sản Việt Nam ở tỉnh ta còn rất ít, chưa đủ điều kiện làm công tác vận động trong các đồng bào dân tộc ít người, cho nên ảnh hưởng của Đảng chưa đến vùng sâu là một thực tế. Tuy vậy đó là những bước tập dượt đầu tiên đặt tiền đề cho chặng đường đấu

tranh chống thực dân đế quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng sau này.

* *

*

Như vậy, Bình Phước là một trong 3 nơi xuất hiện sớm nhất chi bộ cộng sản đầu tiên ở Nam Bộ. Vừa mới ra đời, quán triệt đường lối, phương châm hoạt động cách mạng của Đảng, chi bộ cộng sản Phú Riềng đã bước lên vũ đài chính trị, lãnh đạo một cuộc đấu tranh giành thắng lợi, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam tiến lên một bước phát triển mới. Sự kiện đặc biệt này, đã đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong phong trào cách mạng của công nhân và nhân dân tỉnh nhà. Phú Riềng Đỏ đã có ảnh hưởng to lớn trong việc xây dựng và phát triển cơ sở Đảng, cơ sở nghiệp đoàn, phong trào công nhân, phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc của tỉnh nhà và thúc đẩy phong trào công nhân miền Đông Nam Bộ bước vào một thời kỳ mới – thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc dưới ngọn cờ lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **III. ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN DÂN SINH, DÂN CHỦ TRONG CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1936 – 1939:**

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, trong năm 1933 – 1934 chủ nghĩa phát xít trở thành nguy cơ lớn đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế. Trước tình hình đó, tháng 7/1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII⁽⁹⁾ đã vạch rõ, nhiệm vụ trước mắt lúc này của giai cấp công nhân quốc tế là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh do chúng gây ra. Do vậy, giai cấp công nhân quốc tế phải thống nhất hàng ngũ của mình và lập mặt trận thống nhất rộng rãi với các giai cấp và tầng lớp khác trong nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ trước mắt.

Sau đại hội này, Mặt trận nhân dân Pháp mà Đảng Cộng sản Pháp là nòng cốt giành được thắng lợi trong cuộc tổng





*Công nhân cao su đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm việc (tranh sơn dầu).*

tuyển cử tháng 4/1936. Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền có Đảng Cộng sản Pháp tham gia, do Lê-ông Blum lãnh tụ Đảng Xã hội làm thủ tướng. Chính phủ do Lê-ông Blum đã thi hành một số điều khoản trong cương lĩnh Mặt trận nhân dân Pháp đã vạch ra, trong đó có những chủ trương tiến bộ, nhân đạo như thả tù chính trị ở các thuộc địa Pháp, thành lập Ủy ban điều tra tình hình thuộc địa ở Bắc Phi và Đông Dương, thay đổi một số chế độ lao động đối với công nhân. Những điều đó đã tạo thuận lợi cho cách mạng nước ta.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp đã diễn ra sôi nổi ở ba miền đất nước. Phong trào Đông Dương đại hội, phong trào “đón” Gô đa sang Đông Dương, những cuộc mít tinh nhân ngày Quốc tế Lao động ... đã thu hút các phong trào hàng nghìn, hàng vạn quần chúng tham gia và những cuộc đấu tranh dân quyền cũng giành được những thắng lợi bước đầu. Chính phủ Pháp phải ra lệnh ân xá tù phạm chính trị.

Giữa lúc tình hình thế giới, trong nước có sự chuyển biến tích cực, ở Thủ Dầu Một, phong trào quần chúng lên cao,

kết nạp thêm được nhiều đảng viên mới, thành lập thêm nhiều chi bộ, cơ sở đảng. Tình hình cho phép thành lập Tỉnh ủy.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố kiện toàn công tác tổ chức, thực hiện Chỉ thị của Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối năm 1935, đồng chí Trương Văn Nhâm - Xứ ủy viên và đồng chí Trương Văn Bang - Ủy viên liên Tỉnh ủy Miền Đông đến gặp Tỉnh ủy Gia Định bàn việc tách các chi bộ của Thủ Dầu Một (đang sinh hoạt hoặc ghép trong Đảng bộ Gia Định), để thành lập Đảng bộ mới.

Đầu Năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Thủ Dầu Một ra đời với một cấp ủy gồm 5 đồng chí (4 nam, 1 nữ) đồng chí Trương Văn Nhâm được cử làm Bí thư. Việc thành lập Tỉnh ủy lâm thời vào mùa xuân năm 1936 đánh dấu một bước ngoặt trong phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Thủ Dầu Một.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, trong năm 1936 nhiều cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, thầy giáo, công chức... đã liên tiếp nổ ra ở khắp nơi trong tỉnh, do Công Hội đỏ và Nông Hội đỏ làm nòng cốt. Sau đó phong trào tiếp tục, các tầng lớp quần chúng sôi nổi tham gia cuộc vận động Đông Dương đại hội và đấu tranh trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tận dụng tình hình thuận lợi đòi Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp phải thi hành những cải cách dân chủ và cải thiện đời sống cho dân chúng.

Hơn Quẩn và Bù Đốp là phần đất thuộc tỉnh Thủ Dầu Một, nơi có nhiều đồn điền cao su, đội ngũ công nhân đã lớn mạnh đang cùng chung sống với các tầng lớp nhân dân người Kinh, S'tiêng, Châu Ro, Tà Mung, Nùng, Chăm, Khơ me và một số người Hoa Kiều. Tuy xa xôi, đất rộng, người thưa nhưng Tỉnh ủy lâm thời, Thủ Dầu Một đã quan tâm chỉ đạo sâu sát.

Cuối năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời mở hội nghị kiểm điểm tình hình, quán triệt tình hình mới, đề ra nhiệm vụ sát hợp với phong trào và bầu Ban Chấp hành mới gồm 7 đồng chí. Tháng 1/1937, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một được trên chuẩn y và



công nhận chính thức, đồng chí Hồ Văn Công giữ chức vụ Bí thư.

Cũng trong năm 1936 ở Biên Hòa, phong trào đấu tranh đòi địch bỏ thuế thân, giảm các khoản sưu cao thuế nặng, đòi quyền tự do cư trú, tự do đi lại làm ăn... nổ ra liên tiếp cũng như ở Thủ Dầu Một. Riêng cuộc vận động hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội và tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương có phần sôi nổi hơn.

Xuất phát từ phong trào quần chúng đấu tranh lên cao, chi bộ Đảng cũng được phát triển. Cuối năm 1936, đồng chí Trương Văn Bang được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về Biên Hòa để lãnh đạo phong trào, củng cố xây dựng cơ sở Đảng và thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa. Tháng 1/1937, Tỉnh ủy Biên Hòa được trên công nhận chính thức. Đồng chí Trương Văn Bang làm Bí thư.

Việc thành lập Tỉnh ủy Biên Hòa đã đánh dấu một bước phát triển có ý nghĩa chuyển chất lượng phong trào đấu tranh của quần chúng trong tỉnh. Đặc biệt là đối với các đồn điền cao su trên địa bàn .

Quận Bà Rá bao gồm tất cả miền đất phía Bắc tỉnh Biên Hòa là một quận dân cư thưa thớt. S'tiêng, M'ông, Châu Ro, Châu Mạ là các dân tộc ít người có số lượng dân đáng kể, là một vùng "rừng thiêng nước độc". Từ năm 1925, Pháp đã thành lập nhà tù Bà Rá để đày ải các chiến sĩ cách mạng. Các đồn điền cao su Thuận Lợi (Phú Riềng cũ) đã đi vào khai thác, nhưng đời sống công nhân vẫn lầm than, đói khổ. Sự kiện Phú Riềng Đỏ sôi động một thời đã bị địch khủng bố trắng, đảng viên bị bắt, chi bộ bị phá... phong trào công nhân tạm lắng.

Sau khi Tỉnh ủy Biên Hòa được thành lập, Đảng đã chỉ đạo, Tỉnh ủy đã quan tâm và cử cán bộ về đồn điền Thuận Lợi để tổ chức lại phong trào. Ngày 1/5/1938, công nhân đồn điền Thuận Lợi đã tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động công khai hợp pháp. Đây là lần đầu tiên sau 7 năm thoái trào, đồn điền Thuận Lợi mới tổ chức lại được phong trào công nhân đấu

tranh có ý nghĩa chính trị.

Bà Rá của Biên Hòa và Hớn Quản của Thủ Dầu Một là 2 quận rộng lớn, nằm sát biên giới, là địa bàn của tỉnh Bình Phước ngày nay, xa xôi cách trở, phương tiện đi lại, liên lạc khó khăn. Vì còn thiếu cán bộ đồng thời phải tập trung sức chỉ đạo phát triển phong trào cách mạng, phát triển Đảng ở vùng đông dân cư phía Nam nên 2 Tỉnh ủy Biên Hòa và Thủ Dầu Một đều cử cán bộ đi về để triển khai Chỉ thị, Nghị quyết và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đến các nông cốt và các hội quần chúng, không bám trụ lại được. Do các hội, các tầng lớp nhân dân, kể cả trong công nhân tại chỗ thiếu sự điều dắt cụ thể, thường xuyên nên phong trào cách mạng của quần chúng phát triển không đều, tốc độ phát triển chậm. Chưa phát triển được đảng viên tại chỗ, chưa thành lập được chi bộ ở cả 2 quận này là một hạn chế rất lớn.

Tuy nhiên, nhờ tình hình chung trên thế giới, đặc biệt là ở nước Pháp, tình hình sôi động trong nước và các quận phía nam của 2 tỉnh, chủ trương của 2 Tỉnh ủy được phổ biến đến công nhân nông cốt và các hội quần chúng, nên phong trào cách mạng vẫn liên tiếp nổ ra trên địa bàn này

Cuộc biểu tình của 150 công nhân Thuận Lợi, ngày 4/5/1938, họ cử đại biểu lên gặp chủ sở hữu đưa ra yêu sách: chống đánh đập, ngày làm 8 giờ, chống bán gạo mục, bán đất... sự kiện này nổ ra còn do phong trào đấu tranh của công nhân cao su Dầu Tiếng, cao su Lộc Ninh tác động. Lúc đó, Dầu Tiếng đã có chi bộ Đảng và Hội ái hữu hoạt động mạnh, các đồng chí ta lợi dụng việc công nhân hai bên qua lại bình thường đã bí mật tuyên truyền và gây cơ sở cách mạng ở Thuận Lợi.

Cuộc bãi công của công nhân đồn điền cao su Quản Lợi phản đối hành động đánh đập của bọn cai. Trong cuộc bãi công này, 4 công nhân bị bắt, nhưng đã làm cho bọn cai, xếp chùn tay.

Cuộc bãi công, biểu tình của công nhân đồn điền cao su Lộc Ninh thuộc Công ty Xét-xô ngày 21/12/1938, hơn 300 công nhân các làng của đồn điền cao su Lộc Ninh tổ chức bãi công, biểu tình và cử đại diện công nhân đưa yêu sách cho tên Đờ -



La-lăng - chủ Công ty Xét-xô, với nội dung: tăng lương cho công nhân, thi hành ngày làm việc 8 giờ, giảm phần cạo, bớt từ 400 cây xuống 350 cây/ngày, công nhân bị bệnh phải có thuốc uống.

Công nhân đã tổ chức thành đội ngũ, từng đoàn đi điều hành từ làng đến văn phòng sở, vừa đi vừa hô to khẩu hiệu: “Hoan hô Mặt trận bình dân Pháp giành được thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử”.

Được tin báo công nhân nổi dậy biểu tình, Đờ La-lăng cấp tốc tập hợp bọn tay sai bàn tính cách đối phó. Hắn cho điều lính gác sở và đám tay sai người dân tộc do tên Tổng Mé cầm đầu bố trí trong khu vực văn phòng sở. Khoảng chín giờ sáng, hai đoàn người từ hai hướng về văn phòng sở. Đại diện công nhân bước thẳng đến văn phòng sở, 15 phút trôi qua vẫn chưa thấy đại diện công nhân trở ra, còn bọn lính từ phía sau văn phòng ào tới chỗ đoàn công nhân biểu tình, xô đẩy công nhân bắt phải giải tán. Nhưng bọn chúng không giải tán được đoàn biểu tình. Được sự chỉ đạo của Ban tổ chức, anh chị em lại ào lên đòi để tất cả mọi người kéo vào văn phòng, vây đánh bọn chúng. Trước tình hình ngày càng căng thẳng, bọn chủ đành chấp nhận yêu sách của công nhân và hứa giải quyết.

Cuộc bãi công do Hội ái hữu đứng ra tổ chức đã giành được thắng lợi (lúc này ở đây chưa có chi bộ, chưa có đảng viên cộng sản). Đoàn người phấn khởi điều hành qua mấy ngã đường, sau đó được chỉ đạo giải tán về các làng sở.

*       *

*

Suốt thời kỳ 1936 -1939, Đảng bộ Bình Phước đã nhạy bén, sáng tạo, thực hiện đường lối cách mạng của Đảng, tập hợp quần chúng nhân dân dưới ngọn cờ Mặt trận Dân chủ Đông Dương; xây dựng được nhiều tổ chức quần chúng vừa công khai, bán công khai dưới nhiều hình thức, đấu tranh từ thấp đến cao với khẩu hiệu dân sinh, dân chủ thiết thực, phù hợp với

nguyện vọng bức thiết của quần chúng lao động.

Qua các phong trào tranh đấu quần chúng lao động hiểu Đảng Cộng sản đúng đắn hơn, họ hiểu Đảng là tổ chức cách mạng chân chính, vì lợi ích của người lao động mà đấu tranh. Tất nhiên, bên cạnh đó không sao tránh khỏi hiện tượng quá tả, quá hữu vẫn còn xảy ra ở một số nơi, bên cạnh đó còn có nhiều vùng (đặc biệt là vùng dân tộc) chưa có phong trào vì thiếu lực lượng đảng viên.

Nói chung, trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, công nhân ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Cát, Xa Trạch, Lộc Ninh, Đakia... cùng nông dân và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của tỉnh Đảng bộ, đã góp phần xứng đáng vào phong trào chung của cả nước. Diễn biến của các cuộc đấu tranh trong những năm 1936-1939 là ngày hội của quần chúng cách mạng, chuẩn bị điều kiện để đưa quần chúng bước vào cuộc đấu tranh mới trong thời kỳ 1939-1945.



## **CHƯƠNG II: THỰC HIỆN CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CÁCH MẠNG TIẾN TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945.)**

### **I. CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN HƯỚNG CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA KHỞI NGHĨA NAM KỲ ĐỐI VỚI PHONG TRÀO CÁCH MẠNG BÌNH PHƯỚC:**

Tháng 9/1939 Chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ. Để phục vụ cho chiến tranh đế quốc của chúng, ở Đông Dương thực dân Pháp đã ra lệnh tổng động viên, vơ vét tiền của của nhân dân, bắt lính, xóa bỏ các quyền tự do dân chủ. Chúng tấn công vào Đảng Cộng sản, các tổ chức quần chúng, báo chí tiến bộ bị đóng cửa, các tổ chức dân chủ và những quyền lợi mà quần chúng đã giành được trong phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939) đều bị xóa bỏ. Ngày 28/9/1939 Toàn quyền Đông Dương Ca-tơ-ru (Catroux) ra Nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn, tịch thu giấy tờ và tài sản của các tổ chức đó.

Cuộc chiến tranh đế quốc đã đặt đất nước ta vào tình hình mới. Đấu tranh hợp pháp giành các quyền dân sinh, dân chủ không còn khả năng, mà cũng không phải là mục tiêu trực tiếp của cách mạng lúc này. Đảng quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tiếp tục hoàn chỉnh việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Từ ngày 6 đến 8/11/1939, Hội nghị Trung ương lần 6 (khóa I) họp tại Bà Điểm - Hóc Môn - Gia Định. Dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Văn Cừ, dự hội nghị có các đồng chí Lê Duẩn, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu...

Hội nghị quyết định chuyển hướng sự chỉ đạo chiến lược cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với hoàn cảnh mới: xác định kẻ thù chủ yếu của Đông Dương lúc này là chủ nghĩa đế quốc và bọn tay sai phản bội dân tộc, xác định cuộc cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Về hình thức đấu tranh, hội nghị nêu rõ cần được thay đổi cho phù hợp với nhiệm vụ mới và chuẩn bị “bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc”, “Song phải hết sức tránh những cuộc đấu tranh non, đấu tranh không phương pháp, không chuẩn bị”.

Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939, đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược, đánh giá một cách toàn diện vấn đề dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc, coi phong trào giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới, đã giải quyết đúng đắn những vấn đề chiến lược và phương pháp cách mạng nhằm đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai. Mở ra một thời kỳ mới cho cách mạng Việt Nam.

Lúc này, mặc dù bị khủng bố ác liệt, nhiều đồng chí Trung ương và Xứ ủy bị bắt, song các tổ chức cơ sở của Đảng ở Thủ Dầu Một vẫn tồn tại. Sách báo và truyền đơn của Đảng vẫn được lưu hành và phổ biến rộng rãi, các đội tuyên truyền vẫn thâm nhập vào quần chúng giải thích tinh thần Nghị quyết 6 của Trung ương. Đặc biệt là phong trào chống bắt lính nổi ra sôi nổi và rộng khắp, những đợt tuyên truyền cổ động binh lính chống chiến tranh và ủng hộ cách mạng được tổ chức ở nhiều nơi trong tỉnh.

Tháng 6/1940 Pháp đầu hàng Đức, nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Nhân cơ hội đó, tháng 9/1940 phát xít Nhật xâm lược Đông Dương. Chính sách ngày càng phản động của thực dân Pháp, chúng tăng cường khủng bố, đàn áp, nhiều cơ sở cách mạng bị phá, lực lượng cán bộ bị tổn thất, nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân vẫn tiếp tục được duy trì, nhất là các vùng nông thôn.



Trước tình hình đó, vào tháng 7/1940, Xứ ủy Nam Kỳ triệu tập hội nghị mở rộng, tại ấp Tân Thuận, làng Tân Hương, Mỹ Tho. Hội nghị gồm 24 đại biểu của Xứ ủy, các liên Tỉnh ủy, Tỉnh ủy và các ngành công vận, nông vận, binh vận tham gia. Sau nhiều ngày thảo luận, Hội nghị đi đến nhất trí thông qua chủ trương kế hoạch khởi nghĩa và thành lập Ủy ban Khởi nghĩa của Xứ ủy và Ban Quân sự các cấp. Hội nghị bầu ra Xứ ủy mới do đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư và đề cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc dự hội nghị Trung ương lần 7 (11/1940), xin chỉ thị của Trung ương về chủ trương khởi nghĩa, trong khi đó vẫn chuẩn bị sẵn sàng theo kế hoạch.

Ngày 21 đến 25/9/1940, Xứ ủy Nam Kỳ tiếp tục mở một hội nghị tại Tân Xuân, Hóc Môn - Gia Định để quyết định về một số công tác trọng yếu: quyết định khởi nghĩa, chuẩn bị tích cực về mọi mặt và trao cho Thường vụ Xứ ủy quyền quyết định ngày tiến hành khởi nghĩa và ban bố lệnh khởi nghĩa. Ngoài ra hội nghị còn quyết định mẫu cờ là nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh.

Sau hội nghị Tân Xuân 10 ngày, ngày 3/10/1940 Ban Thường vụ Xứ ủy lại họp để uốn nắn những sai lầm, lệch lạc về tư tưởng cũng như hành động, xuất hiện trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa, nhắc nhở thêm một số công việc mà hội nghị lần trước chưa đề cập. Hội nghị quyết định khởi nghĩa, lệnh khởi nghĩa được gửi đi các nơi, quyết định toàn Xứ ủy thống nhất khởi nghĩa vào đêm 22/11/1940. Trong lúc đó, đồng chí Phan Đăng Lưu sau khi dự hội nghị Trung ương 7 mang chỉ thị của Trung ương hoãn cuộc khởi nghĩa về Sài Gòn thì bị địch bắt, chưa kịp phổ biến, hơn nữa lệnh khởi nghĩa đã xuống tận cơ sở không thể hoãn được.

Thực hiện chủ trương của Xứ ủy, ở tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hòa⁽¹⁰⁾ công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành khẩn trương. Ở tỉnh Thủ Dầu Một, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy – đồng chí Hồ Văn Công Bí thư Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân một số nơi trong tỉnh đứng lên hưởng ứng cuộc khởi nghĩa.

Ban khởi nghĩa của tỉnh do đồng chí Hồ Văn Cống phụ trách. Ở Biên Hòa cũng giống như một số tỉnh khác, Pháp khủng bố bắt khá nhiều đảng viên của Biên Hòa, các cấp thiếu cán bộ. Tỉnh ủy đã giao cho đồng chí Huỳnh Liễu tổ chức một đội vũ trang trên 30 người ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) luyện tập võ nghệ chuẩn bị khởi nghĩa.

Do kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, trong khi đó các địa phương đã triển khai lệnh khởi nghĩa. Ngày 23/11/1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bùng nổ, chủ yếu là vùng nông thôn đông dân của các tỉnh miền Đông, miền Tây. Trung tâm khởi nghĩa ở miền Tây là Cai Lậy, Vĩnh Kim của Mỹ Tho. Chính quyền cách mạng Mỹ Tho tồn tại 40 ngày đã tịch thu ruộng đất của địa chủ phản động chia cho dân nghèo, lập tòa án nhân dân trừng trị những tên phản cách mạng. Đây là một thành tích quan trọng của khởi nghĩa Nam Kỳ. Ở miền Đông, trung tâm khởi nghĩa là vùng Hóc Môn - Bà Điểm, tỉnh Gia Định.

Ở Thủ Dầu Một, khởi nghĩa đã nổ ra ở các nơi: Dầu Tiếng, Dĩ An, thị xã Thủ Dầu Một, Bến Súc, ấp Kiến Điền (Bến Cát) ... ở Biên Hòa, khởi nghĩa nổ ra các làng Mỹ Lộc, Uyên Hưng, Thường Lang... tại cảng Bà Rá (Phước Long), ngày 12/12/1940, 4 chiến sĩ cách mạng bị giam cầm ở trại C nổi dậy giết 1 lính gác, lấy 1 súng 5 viên đạn rồi bỏ trốn, làm cho Pháp phải lo sợ. Nam Kỳ khởi nghĩa ở Hớn Quản - Bà Rá, tuy không có nổi dậy như các nơi khác, nhưng những tấm gương chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa đã gây một ảnh hưởng sâu sắc đối với công nhân cao su Hớn Quản - Bà Rá. Theo gương các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa, công nhân các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi ... đã nổi dậy đấu tranh chống đế quốc và tư bản Pháp đòi quyền dân sinh với các yêu sách như: hủy bỏ việc đánh đập, cúp phạt, không được trì hoãn việc trả lương công nhân; công nhân về xứ theo đúng thời hạn, không được phát gạo mướn, cá thối cho công nhân, mở thêm trường học cho con em công nhân học, mở thêm bệnh viện để chữa trị...

Mặt khác, sau khi thất bại của Nam Kỳ khởi nghĩa, các



đồn điền cao su và vùng nông thôn, vùng dân tộc Hớn Quản – Bà Rá trở thành nơi ẩn náu của cán bộ, đảng viên trước sự truy lùng, bắt bớ của thực dân Pháp, trở thành miếng đất giữ gìn và ươm trồng hạt giống cách mạng. Trong hai năm 1941 – 1942, một số đảng viên đã từng tham gia Mặt trận dân chủ và khởi nghĩa Nam Kỳ ở các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công, Sài Gòn, Chợ Lớn . . . như đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Nguyễn Xang, đồng chí Nguyễn Văn Tăng . . ., lần lượt quy tụ về các đồn điền cao su Hớn Quản, Lộc Ninh. Từ khi các đồng chí cộng sản về hoạt động trong phong trào công nhân, các cơ sở cách mạng được xây dựng và phát triển mạnh. Nhiều cuộc đấu tranh đã mang đậm màu sắc dân tộc và giai cấp với khẩu hiệu “Tổ quốc và sự giải phóng cần lao”. Tại đồn điền Quăn Lợi, Lộc Ninh, Đakia, công nhân đòi thực dân Pháp và tư bản Pháp rút về nước, trả lại đồn điền cho người Việt Nam quản lý.

Khởi nghĩa Nam Kỳ bị thất bại, nhưng sự thất bại ấy lại dẫn đến một hệ quả có vẻ “nghịch lý” là phong trào đấu tranh của công nhân cao su lại dâng cao hơn, nhờ những hoạt động của số cán bộ đảng viên chuyển vùng về các đồn điền.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại vì nổ ra không đúng thời cơ, điều kiện chưa chín muồi. Nhưng vang dội cả nước, nói lên tinh thần quật khởi và quyết tâm của nhân dân ta không bỏ lỡ cơ hội nào để nổi dậy đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học xương máu về nắm thời cơ khởi nghĩa, về sự phối hợp đồng bộ giữa địa phương và cả nước, giữa thành phố và các tỉnh, giữa phát động quần chúng nhân dân nổi dậy với vận động binh lính quay súng chống lại quân thù, về tinh thần cảnh giác cách mạng ... Đó là những kinh nghiệm quý báu cho giai đoạn cách mạng tiếp theo.

## **II. CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ VÀ VŨ TRANG CHO KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1941 – 1945):**

Ngay sau Nam Kỳ khởi nghĩa thất bại, tháng 12/1940, Xứ ủy liên tiếp mở ra 2 hội nghị ở xã An Phú Tây và xã Đa

Phước thuộc huyện Bình Chánh (Thành phố HCM ngày nay), để rút kinh nghiệm, cử ra Xứ ủy mới. Hội nghị cũng quyết định một số chủ trương xuất phát từ tình hình mới sau khi khởi nghĩa thất bại: đưa nhân dân ra sống hợp pháp với địch nhằm hạn chế bớt sự hy sinh tổn thất, cán bộ đảng viên về bám cơ sở, bám dân, chống khủng bố, người nào bị lộ thì chuyển vùng hoạt động, nơi nào có lực lượng vũ trang thì tìm cách giữ lại và lập căn cứ, nơi nào không giữ được thì phân tán và giấu súng. Các tỉnh, quận, có cơ sở phải lo củng cố và phát triển lực lượng quần chúng cách mạng là chính, không được bộc lộ lực lượng. Hội nghị cũng quyết định phân công các xứ ủy viên đi về các tỉnh để chấp nối lại tổ chức, duy trì phong trào, quyết định ra tờ báo “Giải phóng”, để hướng dẫn các cấp đảng bộ và quần chúng cách mạng về đường lối và nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài và tìm mọi cách liên lạc với Trung ương.

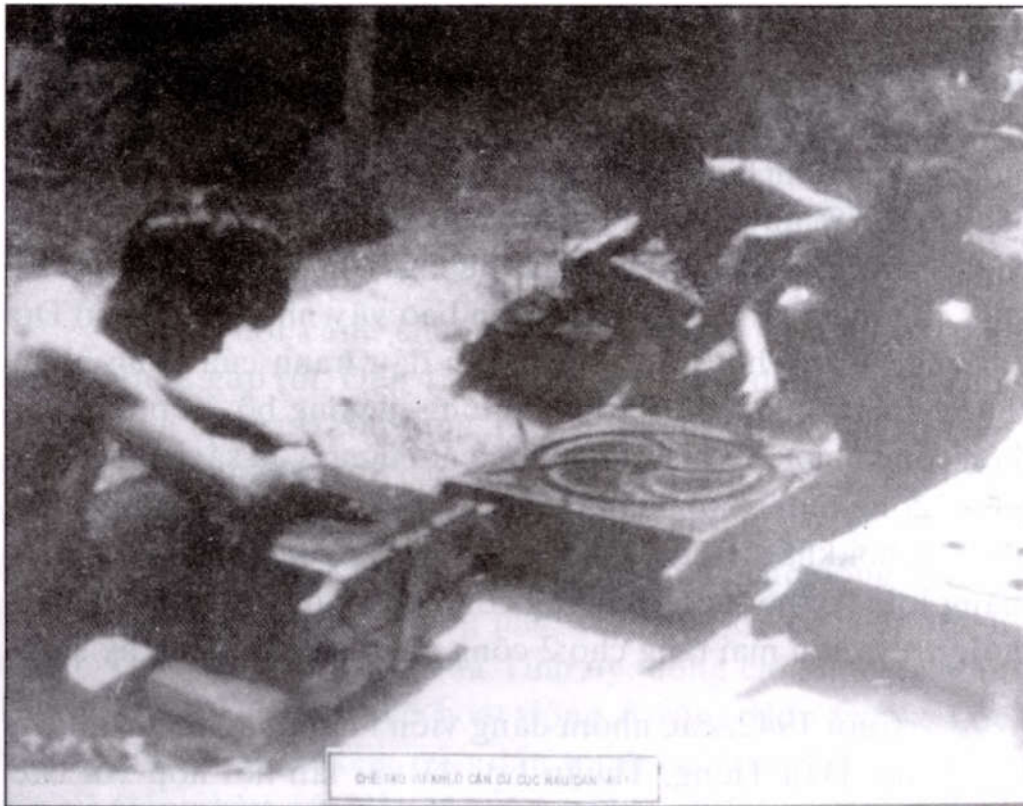
Thời kỳ 1941-1943, đây là thời kỳ khó khăn của Đảng bộ Nam Bộ. Xứ ủy liên Tỉnh ủy, Tỉnh ủy bị phá vỡ lập đi lập lại nhiều lần. Phần lớn đảng viên bị bắt cầm tù. Riêng Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chỉ còn lại khoảng 20 cán bộ đảng viên⁽¹¹⁾ phải chuyển vùng lánh về nông thôn, các đồn điền cao su ... để ẩn náu, tạo dựng cơ sở, tạo chân đứng để khôi phục phong trào cách mạng và coi việc chuẩn bị tổng khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

Bọn thực dân Pháp ở thuộc địa phân hóa thành 2 phe: phái Pê-tanh (Pétain) đầu hàng phát xít Đức và phái Đờ Gôn (De Gaul) kháng chiến chống phát xít.

Những biến chuyển ấy đã có tác động đến tình hình cách mạng Việt Nam. Riêng ở trong tỉnh những người cộng sản trung kiên bắt đầu có sự hoạt động mới.

Năm 1942 tại cảng Bà Rá⁽¹²⁾, nơi giam giữ gần 400 quần chúng yêu nước và những người cộng sản, trong đó phần lớn bị bắt vì tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Các đồng chí bí mật liên lạc thông báo tin tức cho nhau. Riêng ở trại Cô Long các đồng chí tổ chức hội “người cùng quê” để làm công tác binh





*Quân giới miền Đông Nam Bộ chế tạo vũ khí ở căn cứ thời kỳ chống Pháp.*

vận, liên lạc với người nhà để nhận sách báo và tin tức đấu tranh ở các tỉnh.

Cuối năm 1942, ở đồn điền Lộc Ninh, hơn 100 công nhân cao su làng 4, 9 và 10 đã biểu tình thị uy, đòi chủ sở phải giảm giờ làm, ngày làm 8 tiếng, không được cúp lương. Thực dân Pháp và chủ sở đáp lại bằng cách nổ súng đàn áp, làm gần 10 người chết và bị thương, chúng bắt đi một số người khác, hành động này làm thêm sôi sục lòng căm thù của 2 vạn công nhân cao su đang sống ở 11 làng. Lúc này đồng chí Lê Đức Anh đang hoạt động hợp pháp ở Lộc Ninh, lập ra nhóm “công nhân nòng cốt” để củng cố và phát triển phong trào đấu tranh sắp tới.

Qua cuộc đấu tranh đó, các đảng viên và công nhân rút kinh nghiệm, củng cố lại tổ chức. Vào đầu 1943, vận động hơn 300 công nhân của 4 làng đồn điền cao su Lộc Ninh kéo đến Văn phòng chủ sở; đòi chủ giảm giờ làm, không được cúp lương mà tăng lương cho công nhân. Lần này đội ngũ công nhân đã tổ chức ra một lực lượng thanh niên khỏe để bảo vệ đoàn biểu

tình, được trang bị dao, gậy và nhiều phương tiện khác giấu sẵn trong người, chuẩn bị tinh thần chống trả đàn áp. Đoàn người kéo đến cổng chủ sở hô to: “không được cúp lương, phải tăng lương”, “phải thi hành luật ngày làm việc 8 giờ”. Mặc dù xô xát bất bớ diễn ra quyết liệt, bọn lính bắn xối xả vào đám đông làm chết 2 người và nhiều người bị thương. Nhưng công nhân vẫn vượt chướng ngại vật đi thẳng đến bao vây nhà tên chủ sở Đờ La-lăng, hoảng hốt trước sức mạnh đấu tranh của công nhân chủ chánh Công ty Xét-xô buộc lòng nhượng bộ, tiếp đón đại diện công nhân. Sẽ giải quyết theo nội dung yêu sách của công nhân, đồng thời chấp nhận thay số lính ác ôn vừa đàn áp công nhân đi nơi khác. Cuộc đấu tranh này của công nhân đã giành thắng lợi. Tối hôm đó các làng công nhân quy tụ về tại làng 4 dự lễ truy điệu mai táng cho 2 công nhân đã anh dũng hy sinh.

Cuối 1942, các nhóm đảng viên hoạt động ở Quán Lợi, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Thuận Lợi đã vài lần hội họp với các đảng viên hoạt động ở Lái Thiêu, thị xã Thủ Dầu Một để thành lập Tỉnh ủy, kết thúc thời kỳ tạm lảng.

Từ năm 1943, sau khi Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công, với chiến thắng lịch sử Xtalingrát và đập tan cuộc phản công của Hít-le ở vòng cung Cuốcxcơ, chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn mới: sự sụp đổ của phát xít Đức bắt đầu. Trên mặt trận châu Á và Thái Bình Dương, phát xít Nhật tuy còn khá mạnh, nhưng mất thế hùng hổ như trước.

Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943 ở Võng La, Đông Anh, Hà Nội nhận định: “Năm 1943 là năm phe dân chủ sẽ đánh phe phát xít một cách quyết liệt hơn để sửa soạn điều kiện cho bước thắng lợi cuối cùng”⁽¹³⁾. Cách mạng Việt Nam có thể tiến lên bằng những bước nhảy vọt. Toàn bộ công tác của Đảng phải nhằm vào chỗ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Hội nghị chủ trương phát triển Mặt trận dân chủ thống nhất trên cơ sở không ngừng củng cố và phát triển các tổ chức của công nhân và nông dân, bảo đảm quyền lãnh đạo của Đảng.



Thành lập Mặt trận dân chủ chống phát xít Nhật ở Đông Dương. Nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống phát xít bao gồm cả ngoại kiều và bắt tay có điều kiện với phái Đờ-Gôn (Pháp).

Những chủ trương đúng đắn đó, đã tạo điều kiện đưa cách mạng trong cả nước không ngừng phát triển mạnh mẽ.

Trước bối cảnh chung đó, việc phục hồi cấp ủy tỉnh cũng diễn ra gấp rút. Đến 1943, tại làng 1 đồn điền cao su Dầu Tiếng, Ban cán sự Đảng (tức Tỉnh ủy lâm thời) tỉnh Thủ Dầu Một được thành lập gồm các đồng chí Văn Công Khai, Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung, Lê Đức Anh và Vũ Văn Hiến, đồng chí Văn Công Khai được cử làm Bí thư, các đồng chí Lê Đức Anh, Nguyễn Văn Trung phụ trách vấn đề các dân tộc ít người. Theo sự phân công của Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Trung và Lê Đức Anh về hoạt động ở vùng Hớn Quản, Lộc Ninh, chỉ đạo các phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và đồng bào các dân tộc. Các đồng chí còn bàn bạc các công tác cụ thể như phục hồi các chi bộ Đảng trên cơ sở những đảng viên còn đủ phẩm chất, lựa chọn quần chúng tốt trong các tổ chức hợp pháp đang hoạt động, làm nòng cốt để lập ra các hội cứu quốc, móc liên lạc với các đồng chí Xứ ủy, Thành ủy Sài Gòn, Tỉnh ủy Gia Định để nắm tình hình chung và tiếp nhận tài liệu của Trung ương.

Cuối 1943, vì chưa biết ở đây đã thành lập Tỉnh ủy “Xứ ủy Tiền Phong”⁽¹⁴⁾ cử đồng chí Dương Quang Đông (Dung Văn Phúc) - Ủy viên Thường vụ Xứ ủy, đến gặp đồng chí Văn Công Khai và 3 người khác đang công tác tại thị xã Thủ Dầu Một. Đồng chí Dương Quang Đông truyền đạt Nghị quyết tháng 2 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và chỉ định đồng chí Văn Công Khai làm Bí thư. Lúc này Đảng bộ Thủ Dầu Một đã có nhiều chi bộ được lập lại một số đảng viên ở các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quản Lợi, Lộc Ninh, đều tập trung vào công tác phục hồi phong trào quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh, do đó phong trào cách mạng trong năm 1944 có bước phát triển mới.

Tháng 2/1944 chi bộ Lộc Ninh được thành lập gồm 3

đảng viên⁽¹⁵⁾. Đồng chí Lê Đức Anh - Ủy viên Ban cán sự tỉnh Thủ Dầu Một, phụ trách vấn đề dân tộc thiểu số làm Bí thư. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, điều lệ Việt Minh về việc thành lập Mặt trận Việt Minh chi bộ đã phổ biến sâu rộng trong công nhân và nhân dân vùng này. Ngoài ra chi bộ còn thành lập nhóm trung kiên gồm các ông Mé, ông Ký Thịnh, ông Khiêm, ông Ba Đèn, ông Cai Loại và ông Hai Đình (con ông Ba Đèn) làm nòng cốt vận động phong trào Việt Minh, tạo cơ sở cho các hội cứu quốc ra đời.

Đầu năm 1944, tại đồn điền cao su Lộc Ninh, khoảng 300 dân công tra tiến hành bãi công. Cuội bãi công bị đàn áp nặng nề hàng mấy chục người bị đánh đập, bắt giam và chết tại chỗ các anh Đậu, Cần, Ngân.

Ở đồn điền cao su Quản Lợi, một số khá đông công nhân do nhóm thợ sơn, thợ nguội cầm đầu, tiến hành “làm reo” chống lại bọn cai xếp gian ác như tên Cao Phong .v.v.

Ở nhà tù Bá Rá (Phước Long) các đồng chí ta nhiều lần đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi thuốc chữa bệnh ... chi bộ ở đây tích cực chuẩn bị gạo, muối ... cho cuộc vượt ngục. Tại trại “Cô Long” nhà tù Bà Rá, giữa những người cộng sản như Hồ Bá Phúc, Tô Ký, Trương Văn Bang... và nhóm Tờ-rốt-kít do Lê Văn Thử cầm đầu, cũng diễn ra tranh luận nhiều lần về vấn đề “Nga, Đức ai thắng ai?”. Các đồng chí ta dùng nhiều lý lẽ chứng minh Nga thắng Đức thua. Bọn Tờ-rốt-kít thì nói ngược lại. Quan điểm của các đồng chí ta được anh em tù chính trị và một số anh em “Hội những người cùng quê đồng tình”.

Đầu 1945 các hội cứu quốc lần lượt ra đời và hoạt động khắp nơi. Hội cứu quốc hoạt động ở Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Bà Rá phát triển mạnh, đến giữa 1945 thì phần lớn công nhân đều là hội viên cứu quốc. Các hội viên cứu quốc này lại cử người đến làng, sóc vận động đồng bào dân tộc S'tiêng, Khơme, Châu Mạ.... tham gia tổ chức của đồng bào dân tộc không gọi là hội cứu quốc mà gọi “Tổ chức những người Việt Nam mới”. Tổ chức này thu hút rất đông nhân dân tham gia, lập



ra các đội tự vệ, mỗi đội vài chục người với trang bị thô sơ như cung, nỏ, súng săn... Sau khi được thành lập, hội viên các hội cứu quốc tích cực vận động đồng bào tham gia để đấu tranh chống lại Pháp, Nhật và chuẩn bị giành chính quyền.

### **III. CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN BÌNH PHƯỚC:**

#### ***1. Công cuộc chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa ở tỉnh nhà:***

Cuối năm 1944 đến 1945, chiến tranh thế giới đã chuyển qua giai đoạn kết thúc. Quân đội Xô Viết và liên quân Anh - Mỹ mở những cuộc tiến công như vũ bão về phía Béclin, lần lượt giải phóng các nước Trung, Đông Âu.

Ở Đông Dương, trước những chuyển biến mới của cuộc chiến tranh, đúng như Đảng ta đã dự đoán từ lâu, tình trạng tạm thời hòa hoãn giữa hai tên phát xít Nhật, Pháp chấm dứt, mâu thuẫn giữa chúng đã gay gắt đến mức: “Cái nhọt bọc nhất định phải vỡ mủ”. Nhìn thấy triển vọng chiến thắng của quân đồng minh đang đến gần, lực lượng Pháp theo Đờ Gôn ở Đông Dương đã hoạt động ráo riết, chuẩn bị kế hoạch chiếm Đông Dương khi quân đồng minh đổ bộ vào Đông Dương tiến công Nhật.

Âm mưu và hành động đó không lọt qua được tai mắt phát xít Nhật. Chúng đưa thêm quân đội vào Đông Dương và quyết định hành động trước để tiêu diệt quân Pháp. Ngày 9/3/1945, Nhật đưa tối hậu thư đòi Pháp phải trao trả tất cả quyền hành cho chúng và bắt giam toàn quyền Đơ Cu ở Sài Gòn. Trên toàn Đông Dương Nhật nổ súng tấn công. Quân Pháp không chống cự nổi, đầu hàng nhanh chóng.

Đảng ta theo dõi tình hình rất sát. Ngay đêm Nhật đảo chánh Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) do đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Hội nghị chủ trương “phát động một phong trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa”.

Nội dung của hội nghị được trình bày trong bản chỉ thị lịch sử ngày 12/3/1945: “Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị quan trọng này thể hiện rõ sự lãnh đạo sáng suốt kiên quyết, kịp thời và sáng tạo của Đảng ta. Nó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng trong cao trào chống Nhật, cứu nước dẫn đến thắng lợi trực tiếp của Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Dưới ánh sáng Chỉ thị của Trung ương và tác động của tình hình mới, từ sau tháng 3/1945 phong trào đấu tranh cách mạng trong tỉnh phục hồi nhanh chóng. Nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên bị giặc bắt giam đã thoát khỏi nhà tù trở về các địa phương hoạt động, chấp nối lại với các đồng chí còn lại ở địa phương, nhanh chóng khôi phục lại tổ chức Đảng, hồi phục phong trào. Nhiều đồng chí đảng viên các nơi đã quy tụ về tỉnh, một số đảng viên phá trại giam Bà Rá về, cũng nhanh chóng móc nối nhập vào phong trào. Số đảng viên tăng lên nhanh, phần lớn các đồng chí có năng lực tổ chức lãnh đạo. Các nhóm cộng sản đều có sự liên lạc và kết hợp với nhau trên một số mặt công tác. Tất cả các nhóm đều ra sức phát triển tổ chức Đảng, mở rộng cơ sở ráo riết chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

Về phía kẻ thù, sau khi đảo chính Pháp, bộ máy thống trị của thực dân Pháp được duy trì nguyên vẹn, chỉ có một điều khác trước là bọn phát xít Nhật thay Pháp làm toàn quyền, thống sứ, khâm sứ, thống đốc, công sứ nắm toàn bộ quyền lực. Nhật đưa Trần Trọng Kim lên lập ra chính phủ bù nhìn. Ở Nam Kỳ chúng dùng chế độ thuộc trị của Nhật. Chúng chỉ thay đổi một vài tên cai trị ở bên trên, còn nguyên bộ máy cũ của thực dân Pháp.

Tại các nơi trong tỉnh, từ sau tháng 3/1945 trở đi, Nhật càng ra sức xây dựng bộ máy cai trị của chúng, đồng thời tìm mọi cách loại trừ phong trào Việt Minh và Cộng sản. Bên cạnh, một tên quan văn đứng đầu toàn tỉnh, còn có tên Araki làm chức cảnh sát trưởng. Chúng sử dụng lại tên ác ôn đầu sỏ Lương Sơn Khai làm tỉnh trưởng, Đỗ Văn Công làm quận trưởng ... cùng



với bè lũ tay sai. Chúng giữ nguyên hệ thống hành chính cũ bao gồm tỉnh, quận (4 quận), tổng (12 tổng) và làng (123 làng). Ngoài ra, chúng còn bố trí hàng trung đoàn bộ binh chiếm đóng các vị trí quan trọng về quân sự, kinh tế và chính trị như thị xã, các thị trấn, các đồn điền cao su lớn Lộc Ninh, Hớn Quản, Dầu Tiếng, Thuận lợi... đồn biên phòng ở biên giới Việt Nam - Campuchia, nhà ga xe lửa Lộc Ninh - Sài Gòn.

Các tổ chức, đảng phái thân Nhật như Thanh niên ái quốc đoàn, Thanh niên bảo quốc đoàn, Võ sĩ đoàn, Nghĩa đạo thực hành đoàn ... đẩy mạnh các hoạt động lừa bịp nhân dân, tuyên truyền nền độc lập giả hiệu của Chính phủ Trần Trọng Kim, gióng trống khua chiêng ủng hộ thuyết “Đại Đông Á”, thuyết “Đồng văn đồng chủng”, tuyên truyền Nhật sẽ ủng hộ Việt Nam độc lập, bọn Tờ-rốt-kít cũng có mặt làm tay sai cho Nhật.

Cùng với việc xây dựng và củng cố bộ máy cai trị, bọn quân phiệt Nhật còn ra sức vơ vét về kinh tế để nuôi dưỡng và kéo dài chiến tranh. Chúng dựng lên một hệ thống kho tàng hàng trăm cái ở những nơi bảo đảm bí mật và ở 10 trong số 22 đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Đakia, Thuận Lợi, Xa Cam, Dầu Tiếng, Phước Hòa ..., tích trữ hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, dược liệu, nguyên vật liệu..., mà chúng ăn cướp ở nhiều tỉnh, thành ở Nam Kỳ và ở trong tỉnh. Chúng định mức thuế cao đối với các loại thuế xuất, bắt hàng ngàn dân công đi xây dựng hệ thống hầm kho, hầm trú ẩn, hào chiến đấu, công trình bảo vệ phi trường, các đồn lính Nhật ở khắp nơi trong tỉnh như ở Phú Hòa, Thành Sắn đá (thị xã), Tân Uyên, Chơn Thành, Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp, Lộc Ninh .... Dã man nhất là chúng đã thủ tiêu tất cả những người đã đào hầm chôn dấu các loại vũ khí, các mặt hàng chiến lược cho chúng ở tất cả các nơi để bảo đảm an toàn bí mật cho chúng⁽¹⁶⁾.

Tình cảnh vô cùng khốn đốn đó đã làm cho các tầng lớp nhân dân nhận ra rằng kẻ thù không phải là da trắng hay vàng mà là sự tàn bạo, dã man cướp nước ta, bắt nhân dân ta làm nô

lệ. Được Đảng Cộng sản tuyên truyền giáo dục và tổ chức, nên các tầng lớp nhân dân nhất là quần chúng lao động sục sôi tinh thần cách mạng. Quyết tâm vùng lên đánh đổ phát xít Nhật và tay sai để giành lại đất nước của mình.

Cao trào chống Nhật cứu nước của nhân dân trong tỉnh được mở đầu bằng cuộc nổi dậy “Tự giải thoát” của 200 tù chính trị ở cảng Bà Rá vào lúc 7 giờ ngày 10/3/1945. Cuộc “tự giải thoát” đã thành công nhờ có sự chuẩn bị từ trước, lại nhân cơ hội Pháp bỏ chạy, binh lính Nhật (1 đại đội) mới đến, chưa kịp vào cai quản. Ngoài việc tự giải thoát, các đồng chí còn vận động binh lính người Việt, người dân tộc và người Pháp bỏ trại và giấu súng⁽¹⁷⁾. Sau khi ra khỏi cảng các đồng chí đã tổ chức một cuộc mít tinh bên bờ sông Bé gồm 40 người, trong đó có các đồng chí Nguyễn Thành A, Hồ Bá Phúc, Trương Văn Bang, Liên, Giáo, Nữ, Xuân, Hồng, Thơm.v.v... Tại cuộc mít tinh đồng chí Nguyễn Thành A thay mặt đoàn đọc bản tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh và nhắc nhở mọi người khi về tỉnh nhà hãy góp phần cùng Đảng bộ và nhân dân chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi⁽¹⁸⁾.

Tiếp theo cuộc nổi dậy của tù chính trị cảng Bà Rá, là công nhân, nông dân ở nhiều vùng khác trong tỉnh cũng phá kho gạo, kho thóc của Nhật để cứu đói cho nhân dân trong vùng.

Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang bắt đầu phát triển, đồng chí Văn Công Khai Bí thư Tỉnh ủy triệu tập hội nghị Tỉnh ủy tại nhà anh Nguyễn Thiện Hành (Sáu Trọng) ở làng Mỹ Phước, với sự có mặt của đồng chí Nguyễn văn Trấn, phái viên của Xứ ủy Tiền phong phụ trách các Tỉnh ủy miền Đông.

Cuộc họp nhận định Nhật là kẻ thù chính trước mắt, ta phải đẩy mạnh công tác phát triển Đảng và hội cứu quốc, lập ra đội tự vệ sắm sửa vũ khí để giành chính quyền trước khi quân đồng minh vào. Chủ trương đúng đắn đó của Tỉnh ủy được phổ biến đến tận chi bộ, các nhóm đảng viên trong toàn



Tỉnh Đảng bộ.

Đồng chí Lê Đức Anh, dự hội nghị ở tỉnh về, đã tổ chức thực hiện chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa trên tất cả các làng, đồn điền Lộc Ninh, Hớn Quản, Đakia... đến các vùng dân tộc ít người. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền được đẩy mạnh với hàng loạt các tổ chức đoàn thể ra đời và bắt đầu hoạt động công khai, công tác chuẩn bị khởi nghĩa cũng lan rộng trong đồng bào dân tộc, “lực lượng Việt Nam mới”, một tổ chức cứu quốc của đồng bào dân tộc ít người ra đời. Đây là tập thể yêu nước đại diện cho các dân tộc S’tiêng, Khơme, M’ông, Chán Mạ.... của 50 làng trực thuộc Hớn Quản, Lộc Ninh. “lực lượng Việt Nam mới” đã tổ chức ra một đội bán vũ trang khoảng vài chục người được trang bị cung tên, giáo gươm, dao và khoảng 6, 7 súng trường, súng săn do anh Giáo (thầy giáo người Kinh) chỉ huy.

Tháng 5/1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Tiền phong, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn do bác sỹ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương làm thủ lĩnh. Trong thời gian ngắn vận động và tổ chức, với sự hoạt động tích cực của cán bộ đảng viên, đoàn viên công đoàn. Đội ngũ Thanh niên Tiền phong đã phát triển nhanh chóng hầu hết các tỉnh Nam Kỳ.

Ở tỉnh ta, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập do đồng chí Trịnh Kim Ảnh⁽¹⁹⁾ làm thủ lĩnh. Hoạt động của Thanh niên Tiền Phong Việt Minh rất sôi nổi. Anh chị em Thanh niên Tiền phong ngày đêm học tập, canh gác, giữ gìn trật tự ngoài đường, đi dạy các lớp bình dân học vụ ..., một không khí bao trùm thị xã, thị trấn, nông thôn đến đồn điền cao su, tạo nên khí thế sôi nổi, sục sôi cách mạng trong các tầng lớp nhân dân. Không chỉ có thanh niên mà các lứa tuổi như thiếu niên, người già, phụ nữ tham gia tích cực. Hàng ngày trên khắp nẻo đường tiếng hát “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi”, lời ca “nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đường...” vang lên, hun đúc tinh thần yêu nước, nâng cao tinh thần đấu tranh cho tự do, độc lập của dân tộc.

Bên cạnh, các hoạt động chính trị, văn hóa để chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa, tháng 5/1945, liên Tỉnh ủy Miền Đông triệu tập hội nghị tại Biên Hòa, với các đại biểu của Đảng bộ Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Gia Định, Biên Hòa để phổ biến tình hình và nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới, phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng, phát triển lực lượng cách mạng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền. Đây là cuộc họp quan trọng, là cơ sở để đoàn kết các đảng viên cộng sản, tạo sự thống nhất hành động trước thời cơ mới.

Sau hội nghị liên Tỉnh ủy Miền Đông, Tỉnh ủy chủ trương phát động phong trào sắm sửa vũ khí, lập đội tự vệ, trang bị vũ khí và huấn luyện quân sự cho thanh niên. Trong các tổ chức Thanh niên Tiền Phong, Thanh niên Cứu quốc, hầu hết đoàn viên đều tự trang bị gậy tầm vông, dao găm, luyện tập đánh võ. Hàng trăm thợ rèn ở khắp nơi trong tỉnh coi việc rèn dao, gươm cho Việt Minh là hành động yêu nước. Ngoài ra ta còn tổ chức lấy được hàng trăm khẩu súng từ Nhật, Pháp và ngụy quân đem trang bị cho Thanh niên Tiền Phong, công nhân, nông dân.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sôi nổi, khẩn trương của quần chúng cách mạng đã lôi cuốn các tầng lớp đang lừng chừng, do dự, bàng quan trong giai cấp tư sản, địa chủ, ngã theo phong trào Việt Minh, ngăn chặn được những hoạt động của bọn tay sai thân Nhật.

## ***2. Khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8/1945 ở địa bàn Bình Phước:***

Mùa thu 1945, sau khi Liên Xô đánh tan quân phát xít Đức, ngày 9/8/1945 tuyên chiến với phát xít Nhật và đánh tan đạo quân Quan Đông tinh nhuệ. 13/8/1945 phát xít Nhật đầu hàng không điều kiện các nước đồng minh. Sự kiện này, làm cho quân đội Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, hoang mang tan rã, chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt từ trên xuống dưới.

Từ ngày 13 đến 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng



hợp tại Tân Trào khẳng định: Điều kiện tổng khởi nghĩa đã chín muồi, Đảng phải lãnh đạo toàn dân nổi dậy giành chính quyền trong cả nước trước khi quân đồng minh kéo vào Đông Dương, theo nguyên tắc tập trung, thống nhất, kịp thời; Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng ban. Hội nghị đề ra đường lối đối nội, đối ngoại, kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương để thích ứng với tình hình mới. Được tin Nhật xin đầu hàng, ngay đêm 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa.

Ngày 16/8/1945, cũng tại Tân Trào, Đại hội quốc dân khai mạc, có hơn 60 đại biểu Bắc, Trung, Nam. Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh; quyết định thành lập Ủy ban Giải phóng Dân tộc, do Hồ Chí Minh (tên mới của đồng chí Nguyễn Ái Quốc) làm Chủ tịch; Đại hội quy định quốc kỳ, quốc ca của nước Việt Nam mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, 25 triệu đồng bào ta đã nhất tề vùng dậy “đem sức ta mà giải phóng cho ta”. Sức mạnh như triều dâng, thác đổ, nhấn chìm lũ cướp nước và bán nước, tiến hành tổng khởi nghĩa oanh liệt, giải phóng toàn bộ đất nước.

Quán triệt Nghị quyết của Trung ương Đảng và Xứ ủy Nam kỳ về tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đồng chí Văn Công Khai Bí thư Tỉnh ủy, tổ chức ngay cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng đến Bí thư chi bộ⁽²⁰⁾ bàn việc chấp hành Nghị quyết của Xứ ủy và lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương. Hội nghị Quyết định:

1. Thành lập Ủy ban Khởi nghĩa ở tỉnh do đồng chí Văn Công Khai phụ trách.

2. Các cơ sở lập ngay Ủy ban Khởi nghĩa.

3. Ngày 25/8/1945 tập trung lực lượng trong toàn tỉnh giành chính quyền tại thị xã.

4. Các thị trấn, các đầu mối đồn điền cao su đồng loạt

khởi nghĩa, hoặc sớm hơn tùy tình hình cụ thể.

Hội nghị chủ trương hết sức tránh những vụ khiêu khích của địch. Nếu chúng chống lại thì ta dùng các đơn vị tự vệ chiến đấu và huy động quần chúng đấu tranh. Hội nghị khẳng định dù tình thế khó khăn thế nào cũng phải khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, coi đó là nguyên tắc cao nhất của cách mạng.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh, nhân dân thị xã và các quận đã nhất tề đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong khí thế tiến công sôi sục.

Tại Lộc Ninh, ngày 24/8/1945, trời vừa sáng nhân dân và công nhân các làng, sở cao su Lộc Ninh - Đakia với nòng cốt là lực lượng thanh niên quyết chiến, lực lượng tự vệ, lực lượng Việt Nam mới nhất tề nổi dậy. Từng đoàn người gậy tầm vông vạt nhọn, xà beng, giáo mác, cung ná tiến vào các nhà máy, xí nghiệp đồn điền cao su và các cơ sở sản xuất, làn sóng người ào ạt vượt rào, leo tường, trương cờ đỏ sao vàng, căng khẩu hiệu “chính quyền về tay nhân dân”, “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm”. Bọn lính Nhật không đầu hàng thì bị bắt hoặc bị trừng trị.

Riêng tại nhà chỉ huy bọn phát xít Nhật, viên chỉ huy Nhật ra lệnh bắn vào lực lượng thanh niên quyết chiến đang tiến tới. Tình huống trở nên khó khăn. Đồng chí Lê Đức Anh chọn ra một đội gồm những chiến sĩ cảm tử và đích thân chỉ huy đánh chiếm mục tiêu. Súng địch bắn xối xả, nhiều chiến sĩ đã ngã xuống, song người này ngã, người khác tiếp bước xông lên, ào ào vượt qua vào đồn giặc. Sau 15 phút, cuộc chiến đã kết thúc 18 lính Nhật bị giết trong đó có 2 tên chỉ huy, những tên còn lại đầu hàng. Ta thu 40 khẩu súng và toàn bộ quân trang, quân dụng.

Tại Bù Đốp, lực lượng khởi nghĩa gồm có nông dân, công nhân với dao, gậy... bao vây đánh địch thu được kho súng, trong đó có cả súng máy. Đây là nguồn súng đã làm cho lực lượng vũ trang Lộc Ninh sau này được trang bị mạnh hơn nhiều nơi khác.



22 chiến sĩ công nhân Lộc Ninh đã hy sinh anh dũng cho cuộc khởi nghĩa toàn thắng. Lộc Ninh trở thành một trong những nơi cướp chính quyền sớm nhất trong tỉnh Thủ Dầu Một. Sau cuộc khởi nghĩa thắng lợi, đồng chí Lê Đức Anh cùng các đồng chí Ba Quyên (lái xe), Ba Anh (công nhân), Ba đèn, Cầu, Kỳ, Ngân, những người lãnh đạo phong trào trở thành những người phụ trách các công việc về chính quyền. Đó là chính quyền độc lập đầu tiên của Lộc Ninh.

Tại Hớn Quản, sáng 25/8/1945, đồng đảo anh em công nhân và nhân dân các đồn điền Quản lợi, Xa cam, Xa Trạch, Xa Cát ... nổi dậy tổ chức mít tinh rồi chuyển sang biểu tình, tay mang xẻng, cuốc, gậy gộc, xà beng, búa, có cả súng trường và lựu đạn kéo nhau đi chiếm nơi ở và làm việc của bọn chủ, giành lại quyền làm chủ đồn điền. Đối với bọn Nhật, công nhân và nhân dân dùng gậy tầm vông vọt nhọn, dao găm và một ít súng tới vây các đồn bót có lính Nhật chiếm đóng. Các đại biểu công nhân hùng dũng tiến vào tận sào huyệt địch. Trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng cách mạng, hầu hết các đồn điền, bọn tư bản Pháp và bọn chỉ huy quân Nhật đều run sợ, chúng vội vàng giao chìa khóa tủ sắt, công xưởng, các kho tàng, máy móc, đồn bót cho đại biểu nhân dân, trả lại đồn điền cho công nhân.

Sau khi giành lại được quyền quản lý các đồn điền, đồng đảo anh em công nhân cùng với nông dân và đồng bào dân tộc ít người, mà nòng cốt là lực lượng Thanh niên Tiền phong, kéo về chợ Hớn Quản tổ chức mít tinh lớn nhằm biểu dương lực lượng cách mạng, đồng thời cướp chính quyền ở quận lỵ. Tại cuộc mít tinh đồng chí Nguyễn Văn Trung - Tỉnh ủy viên được cử làm lãnh đạo khởi nghĩa, đã nói chuyện trước nhân dân, giải thích rõ cuộc cách mạng đồng thời kêu gọi nhân dân ủng hộ cách mạng giữ vững chính quyền vừa giành được. Cuộc mít tinh mà thực chất là cuộc nổi dậy biểu dương lực lượng giành chính quyền đã diễn ra với khí thế vô cùng rầm rộ, náo nức.

Cũng trong sáng ngày 25/8/1945, cùng với việc Khởi